MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ 1
1. Căn cứ pháp lý và cơ sở lập kế hoạch 1
2. Mục đích 4
3. Sản phẩm kế hoạch sử dụng đất 4
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI 4
1. Điều kiện tự nhiên 4
1.1. Vị trí địa lý 4
1.2. Địa hình, địa mạo 5
1.3. Khí hậu 5
1.4. Thủy văn 6
1.5. Tài nguyên đất 6
1.6. Tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất 8
2. Tình hình kinh tế - xã hội 9
2.1. Tăng trưởng kinh tế 9
2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế 9
2.3. Thực trạng văn hóa, xã hội 13
2.4. Thực trạng về môi trường 17
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC. 17
1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 17
2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất 2020 26
3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện KHSDĐ 2020 27
III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 28
1. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2021 28
2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực 32
3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất 34
4. Diện tích các loại đất chuyển mục đích sử dụng năm 2021 40

5. Diện tích đất thu hồi trong năm 2021 42
7. Danh mục các công trình dự án trong năm kế hoạch: 43
8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 49
8.1. Cơ sở tính toán 49
8.2. Kết quả tính toán và cân đối thu chi từ đất 50
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ... 52
1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường 52
2. Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất 53
3. Giải pháp về đầu tư 54
V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 55
HỆ THỐNG CÁC BIỂU SỐ LIỆU 56

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1: Trữ lượng khai thác tiềm năng nước dưới đất.....6
Bảng 2: Diện tích các nhóm và loại đất chính trên địa bàn huyện Mỹ Tú 6
Bảng 3: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất 2020 18
Bảng 4: Danh mục các công trình đã thực hiện năm 2020.....22
Bảng 5: Danh mục các công trình chưa thực hiện năm 2020.....22
Bảng 6: Danh mục các công trình chuyển tiếp trong năm kế hoạch 2021 25
Bảng 7: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2021 của huyện Mỹ Tú 29
Bảng 8: Danh mục đất phát triển hạ tầng.....38
Bảng 9: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch 2021 40
Bảng 10: Diện tích đất thu hồi trong năm kế hoạch 2021 42
Bảng 11: Danh mục các công trình, dự án quy định tại Điều 62.....44
Bảng 12: Dự kiến bảng thu - chi về đất 51

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá của mỗi quốc gia, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh quốc phòng. Việc quản lý, sử dụng hợp lý vốn tài nguyên đất là biện pháp hữu hiệu đem lại lợi ích kinh tế cao trong lĩnh vực sản xuất và lợi ích xã hội.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có ý nghĩa đặc biệt quan trọng không chỉ cho trước mắt mà cả lâu dài. Căn cứ đặc điểm điều kiện tự nhiên, phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của mỗi ngành, mỗi cấp mà quy hoạch kế hoạch sử dụng đất được tiến hành nhằm định hướng cho các cấp, các ngành trên địa bàn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp mình, tạo cơ sở pháp lý để bố trí sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ cảnh quan, môi trường, đồng thời đảm bảo ưu tiên quỹ đất cho mục đích quốc phòng, an ninh, phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng, an ninh lương thực.

Kế hoạch sử dụng đất 2021 được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 Luật Đất đai năm 2013 quy định kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm. Nhằm phát huy tiềm năng đất đai, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về đất cho những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với dự thảo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, nhằm định hướng cho các ngành sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả đúng quy định của Luật đất đai. Đặc biệt trong giai đoạn thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

Thực hiện Luật đất đai và các văn bản dưới Luật, được sự chỉ đạo của UBND tỉnh Sóc Trăng và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng, UBND huyện Mỹ Tú tiến hành lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn huyện nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu về đất đai cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả, khoa học đúng quy định Luật đất đai. Kế hoạch sử dụng đất sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt sẽ là cơ sở pháp lý của công tác quản lý Nhà nước về đất đai, là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.

1. Căn cứ pháp lý và cơ sở lập kế hoạch

- Luật đất đai năm 2013;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật đất đai;

- Văn bản số 21/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về Luật Đất đai;

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 16/8/2018 của Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh Sóc Trăng;

- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Quyết định số 739/QĐHC-CTUBND ngày 22/07/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020;

- Quy hoạch chung thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, quy hoạch xây dựng thôn mới; Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương và diện tích các loại đất thực hiện trong năm 2020 làm căn cứ để xây dựng kế hoạch;

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 04/5/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng năm 2018 và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng năm 2019 và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn

bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2019 và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng năm 2020 và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng năm 2020 và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 7/12/2018, Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 10/5/2019, Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 10/7/2019, Nghị quyết số 48/HĐND ngà 6/12/2019 và Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 7/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;

- Công văn số 605/UBND-KT ngày 20/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng V/v thực hiện các nội dung liên quan đến lập Kế hoạch sử dụng đất năm năm 2021-2025 cấp tỉnh và quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 cấp huyện;

- Công văn số 724/STNMT-CCQLĐĐ ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện các nội dung liên quan đến lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2021-2025 cấp tỉnh và quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 cấp huyện.

- Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú về triển khai thực hiện công tác lập Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2030, Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Mỹ Tú;

- Căn cứ kết quả kiểm kê đất đai năm 2019; Niên giám thống kê huyện Mỹ Tú năm 2019; Báo cáo tình hình kinh tế xã hội huyện Mỹ Tú năm 2019.

2. Mục đích

- Kiểm tra, đánh giá hiện trạng năm 2020 và tiềm năng đất đai của huyện để có kế hoạch và phương án đầu tư, sử dụng hợp lý các loại đất trong phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện là căn cứ để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện;

- Phân bổ lại quỹ đất cho các mục đích sử dụng, phù hợp với nhu cầu thực tế hàng năm của các xã, thị trấn;

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc xúc tiến đầu tư, tiến hành các thủ tục thu hồi đất, giao đất, sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả; Từng bước ổn định tình hình quản lý và sử dụng đất;

- Tạo động lực để định hướng và thúc đẩy các ngành nghề phát triển;

- Làm căn cứ pháp lý để quản lý đất đai theo Pháp luật, thực hiện tốt các quyền của người sử dụng đất, bảo vệ, cải tạo môi trường sinh thái, phát triển và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả và bền vững.

3. Sản phẩm kế hoạch sử dụng đất

Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất huyện Mỹ Tú năm 2021.

- Đĩa CD lưu báo cáo (gồm bảng, biểu), bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Mỹ Tú.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Mỹ Tú nằm ở phía Tây tỉnh Sóc Trăng, bao gồm 08 xã và 01 thị trấn với tổng diện tích tự nhiên là 36.845,06 ha (kiểm kê đất đai năm 2019), chiếm 11,1% tổng diện tích toàn tỉnh Sóc Trăng. Ranh giới của huyện được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Châu Thành và tỉnh Hậu Giang.

- Phía Đông giáp thành phố Sóc Trăng, huyện Châu Thành và huyện Mỹ Xuyên.

- Phía Nam giáp huyện Mỹ Xuyên và huyện Thạnh Trị.

- Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang và thị xã Ngã Năm.

Huyện Mỹ Tú hiện có 95.535 người theo kiểm kê dân số 01/4/2019 (nguồn: NGTK 2018, phát hành năm 2019), có 09 đơn vị hành chính trực thuộc. Huyện lỵ là thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa có diện tích 1.142,65 ha (kiểm kê đất đai năm 2019), là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội của huyện. Trung tâm huyện nằm cách thành phố Sóc Trăng khoảng 20 km về phía Tây; Có Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp, các tuyến đường tỉnh 938, 939, 939B, 940, và các đường huyện chạy qua tạo lợi thế đáng kể cho việc giao lưu kinh tế - văn hoá giữa các địa phương trong và ngoài huyện. Ngoài ra huyện còn có địa điểm tham quan du lịch là Khu căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng.

1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình của huyện tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình từ 0,4 - 0,80 m. Địa chất của huyện được hình thành bởi các tầng địa chất chủ yếu là trầm tích mới. Độ sâu từ 0 – 20 m phổ biến là đất sét pha thịt có độ dẻo cao, mềm và chịu lực kém. Độ sâu từ 20 - 21 m là đất sét có độ dẻo trung bình và thấp, chịu lực tốt.

Huyện có hướng dốc chính nghiêng từ Đông sang Tây, với 1/3 diện tích nằm ở vùng tương đối cao, tập trung chủ yếu ở các xã Phú Mỹ, Thuận Hưng, Mỹ Thuận. Phần diện tích còn lại nằm ở vùng trung bình đến thấp, tập trung chủ yếu ở các xã Mỹ Phước, Hưng Phú, Long Hưng, Mỹ Hương, Mỹ Tú và thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa.

1.3. Khí hậu

Huyện Mỹ Tú nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, và có sự ảnh hưởng của biển. Đặc điểm khí hậu thời tiết của huyện như sau:

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm từ 26,8^{0}C, cao nhất là 32^{0}C, nhiệt độ thấp nhất là 23,8^{0}C.

- Chế độ mưa: Lượng mưa trung bình năm xấp xỉ 1.840mm, phân bố theo mùa rõ rệt: Mùa mưa kéo dài 7 tháng (tháng 5 đến tháng 11).

- Độ ẩm không khí: Độ ẩm tương đối trung bình hàng năm là 84%, mùa mưa độ ẩm cao có thể đạt tới 88%, độ ẩm thấp nhất là 77,3%.

- Nắng: Tổng số giờ nắng trung bình trong năm khoảng 2.372 giờ, các tháng có số giờ nắng cao từ tháng 3 đến tháng 9 trung bình đạt 260 giờ/tháng (cao nhất vào tháng 5), các tháng có số giờ nắng thấp từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau trung bình 120 - 130 giờ/tháng (thấp nhất vào tháng 12).

- Gió: Hướng gió thịnh hành là gió Đông từ tháng 11 đến tháng 4; Gió Đông Nam tháng 5; Gió Tây tháng 6 đến tháng 9; Gió Tây Nam tháng 10. Tốc độ gió trung bình năm là 3,9m/s, trung bình tháng lớn nhất là 4,9m/s, trung bình tháng nhỏ nhất là 3,1m/s.

1.4. Thủy văn

Huyện chịu ảnh hưởng chủ yếu của chế độ bán nhật triều biển Đông, chảy vào huyện theo hai hướng chính: Hướng từ sông Hậu chảy qua các kênh Quản lộ Phụng Hiệp, kênh Phụng Hiệp và các kênh thuỷ lợi; Hướng từ sông Mỹ Thanh đổ vào qua sông Nhu Gia bị ngăn chặn, chủ động bởi các cống thuỷ lợi phục vụ chủ yếu cho việc tiêu thoát nước. Nên được chia làm 2 vùng như sau:

- Vùng 1: Sông Tân Lập và sông Nhu Gia, chịu ảnh hưởng của triều biển Đông thông qua kênh Quản lộ Phụng Hiệp, sông Nhu Gia; Có biên độ triều từ 0,5 – 0,7m, hay bị gập úng gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp.

- Vùng 2: Từ sông Tân Lập đến phía Tây của huyện, chịu ảnh hưởng của triều biển Đông thông qua Quản lộ Phụng Hiệp và chịu sự điều tiết của cống Mỹ Phước; Với biên độ triều rất thấp khoảng 0,5m. Đây là vùng khó tiêu nước vào mùa mưa, dễ gây ngập úng và chất lượng nước bị nhiễm phèn vào đầu mùa mưa, độ pH từ 4-7.

Về trữ lượng khai thác tiềm năng nước dưới đất trên địa bàn huyện Mỹ Tú, trong 7 tầng chứa nước được đánh giá, tầng chứa nước lỗ hổng tuổi Pliocen dưới (n_2^1) có trữ lượng khá cao, đạt khoảng 58.455m3/ngày, chiếm 16,25% trữ lượng toàn tỉnh.

Bảng 1: Trữ lượng khai thác tiềm năng nước dưới đất

Đơn vị	Trữ lượng tiềm năng (m^3/ngày)							
	qh	**qp_3**	**qp_{2-3}**	**qp_1**	**n_2^2**	**n_2^1**	**n_1^3**	**Tổng**
Toàn tỉnh Sóc Trăng	**15.475**	**45.510**	**795.913**	**722.163**	**516.356**	**359.792**	**597.170**	**3.052.378**
Huyện Mỹ Tú	873	-	65.532	20.257	-	58.455	15.378	160.495
Tỷ lệ chiếm (%)	5,64		8,23	2,81		16,25	2,58	5,26

Nguồn: Điều tra, đánh giá đất đai lần đầu tỉnh Sóc Trăng (Báo cáo Chất lượng đất)

1.5. Tài nguyên đất

Theo kế quả Điều tra, đánh giá đất đai lần đầu tỉnh Sóc Trăng (Báo cáo Chất lượng đất), trên địa bàn huyện Mỹ Tú có các nhóm và loại đất cụ thể như sau:

Bảng 2: Diện tích các nhóm và loại đất chính trên địa bàn huyện Mỹ Tú

Đơn vị tính: ha

TT	Tên đất	Ký hiệu	Diện tích toàn tỉnh	Huyện Mỹ Tú	Tỷ lệ (%)
I	**Đất cát**	**C**	**8.801,0**	**-**	**-**

TT	Tên đất	Ký hiệu	Diện tích toàn tỉnh	Huyện Mỹ Tú	Tỷ lệ (%)
1	Đất cát giồng	Cz	8.801,0	-	-
II	**Đất mặn**	**M**	**73.037,6**	**529,2**	**0,7**
2	Đất mặn sú vẹt, đước	Mm	5.453,0	-	-
3	Đất mặn nhiều	Mn	4.572,6	-	-
4	Đất mặn ít và trung bình	M	63.012,1	529,2	0,8
III	**Đất phèn**	**S**	**97.073,4**	**16.919,4**	**17,4**
III.1	***Đất phèn tiềm tàng***		***13.753,3***	***6.800,2***	***49,4***
5	Đất phèn tiềm tàng nông, mặn	Sp1M	4.811,5	3.628,1	75,4
6	Đất phèn tiềm tàng sâu, mặn	Sp2M	8.941,8	3.172,1	35,5
III.2	***Đất phèn hoạt động***		***83.320,1***	***10.119,2***	***12,1***
7	Đất phèn hoạt động nông, mặn	Sj1M	64.019,8	9.647,7	15,1
8	Đất phèn hoạt động sâu, mặn	Sj2M	6.366,4	471,5	7,4
9	Đất phèn hoạt động nông	Sj1	8.998,5	-	-
10	Đất phèn hoạt động sâu	Sj2	3.935,5	-	-
IV	**Đất Phù sa**	**P**	**52.794,2**	**8.652,1**	**16,4**
11	Đất phù sa glây	Pg	1.206,6	-	-
12	Đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng	Pf	51.587,6	8.652,1	16,8
V	**Đất lập liếp**		**49.452,0**	**7.465,6**	**15,1**
13	Đất lập liếp	N	49.452,0	7.465,6	15,1
	Đất phi nông nghiệp		**50.029,6**	**3.252,4**	**6,5**
	Tổng diện tích tự nhiên		**331.187,5**	**36.818,6**	**11,1**

Nguồn: - Điều tra, đánh giá đất đai lần đầu tỉnh Sóc Trăng (Báo cáo Chất lượng đất)

- Số liệu DT tự nhiên và các loại đất của huyện Mỹ Tú được trích nguyên theo nguồn.

Theo số liệu đánh giá, trên địa bàn huyện Mỹ Tú nhóm đất phèn chiếm diện tích lớn nhất 10.119,2ha (17,4%), kế đến là đất phù sa 8.652,1ha (16,4%).

Theo kết quả quan trắc môi trường năm 2017 tại 8 điểm quan trắc môi trường đất cho kết quả cụ thể như sau:

Giá trị pHKCl dao động trong khoảng 4,36 - 5,61 thuộc nhóm đất chua vừa đến chua nhẹ; Tỷ trọng của đất dao động trong khoảng 2,57 - 2,70g/cm^3 thuộc nhóm đất giàu sét; Hàm lượng Kali dễ tiêu dao động trong khoảng 0,013 - 0,036% thuộc nhóm đất có hàm lượng kali trung bình; Hàm lượng Lân dễ tiêu dao động trong khoảng 0,011 - 0,047% thuộc nhóm đất có hàm lượng Lân từ trung bình đến giàu; Không phát hiện dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất, cũng như giá

trị các thông số kim loại nặng như Cu, Cr, Pb, Cd, Zn, Hg trong đất đều rất thấp so với quy chuẩn cho phép.

Nhìn chung chất lượng đất trên địa bàn huyện chưa bị ô nhiễm kim loại nặng cũng như dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

1.6. Tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất

- Biến đổi khí hậu là một trong những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng lớn đến đất đai. Khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến đất thể hiện ở lượng nước mưa và nhiệt; Ảnh hưởng gián tiếp thông qua sinh vật. BĐKH gây rối loạn chế độ mưa, nguy cơ nắng nóng nhiều hơn,… làm cho lượng dinh dưỡng trong đất bị mất cao hơn, hiện tượng xói mòn, khô hạn nhiều hơn. Nước biển dâng, thiên tai, bão lũ gia tăng sẽ làm tăng hiện tượng nhiễm mặn, ngập úng, sạt lở bờ sông, hưởng nghiêm trọng tới tài nguyên đất. Những thay đổi về nhiệt độ, lượng mưa, thời điểm mưa và những thay đổi về hình thái trong chu trình nước: Mưa - nước bốc hơi… đều dẫn đến sự thay đổi cơ chế ẩm trong đất, lượng nước ngầm và các dòng chảy. Ngược lại, việc sử dụng đất đai cũng có ảnh hưởng đối với sự thay đổi các yếu tố khí hậu.

Huyện Mỹ Tú cũng có ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất tuy nhiên không lớn so với các khu vực khác, chủ yếu ảnh hưởng đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân, có một số vùng đất bị ngập úng do huyện là khu vực vùng trũng.

- Tình hình hạn hán, xâm nhập mặn tập trung vào những tháng mùa khô trong năm. Theo số liệu thống kê tình hình xâm nhập mặn trong giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng cho thấy xâm nhập mặn vào hệ thống sông ngòi, kênh rạch ở tỉnh đang có diễn biến bất thường và phức tạp từ, có cả sự thay đổi về thời gian, phạm vi và nồng độ mặn. Theo số liệu Đài khí tượng thủy văn tỉnh Sóc Trăng, trong những tháng đầu năm 2015, độ mặn trong các sông rạch trong tỉnh lên sớm và ở mức cao so cùng kỳ năm 2014, đồng thời xâm nhập sâu vào nội đồng. Số liệu Chi cục Thủy lợi Sóc Trăng, đầu tháng 2/2020, tại các trạm đo trên sông Hậu ở Trần Đề 13,8‰, Long Phú 10,6‰, TP.Sóc Trăng 5,0‰.

- Xâm nhập mặn, hạn hán trong những năm qua cũng gây thiệt hại đáng kể. Trong mùa khô, lượng mưa suy giảm, hạn hán kéo dài, nguồn nước trong sông mùa kiệt suy giảm đã làm thiếu nước ngọt phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp, nhất là nước cung cấp cho sản xuất lúa xuân hè. Diện tích lúa, cây ăn quả, hoa màu cũng bị ảnh hưởng.

- Theo Kịch bản biến đổi khí hậu đến năm 2100, mực nước biển tại tỉnh Sóc Trăng có thể dâng thêm 1,0m. Khi đó 43,7% diện tích của tỉnh sẽ bị ngập nước, sẽ gây tác động đến hơn 450.000 người, tương đương với 35% tổng dân số của tỉnh.

Trong các hoạt động kinh tế, nông nghiệp sẽ là ngành sản xuất bị ảnh hưởng mạnh nhất, từ đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống khoảng 75% dân số ở tỉnh. Giải pháp được đề xuất nhằm hạn chế ảnh hưởng của hạn – mặn cho huyện Mỹ Tú trong Kế hoạch năm 2021 và những năm sắp tới là: Thường xuyên theo dõi, dự báo và thông báo tình hình xâm nhập mặn, kiểm tra nguồn nước để có kế hoạch lấy nước vào kênh nội đồng để dự trữ. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Ban điều tiết nước cấp tỉnh để xây dựng lịch vận hành các công trình thủy lợi, điều tiết cho phù hợp nhằm giảm độ mặn trên kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp, đảm bảo cung cấp đủ nước vào thời điểm cuối mùa khô cho sản xuất nông nghiệp và NTTS.

- Để đảm bảo về công tác cung cấp nước sạch nông thôn, cần triển khai thực hiện: Rà soát hiện trạng hoạt động của các trạm cấp nước để khắc phục kịp thời các sự cố rò rỉ (nếu có), không để tiêu hao nước trên hệ thống đường ống.

- Nghiên cứu lắp đặt hệ thống lọc nước mặn tại các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại các địa bàn, khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng xâm nhập mặn.

2. Tình hình kinh tế - xã hội

2.1. Tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2020 đạt 7,87%. Thu nhập bình quân (theo giá hiện hành) là 2.370 USD/người, tăng 422 USD so năm 2019. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên đất nông lâm, thủy sản 142,020 triệu đồng/ha *(Nguồn: Báo cáo tình hình Kinh tế - Xã hội năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2021 của UBND huyện Mỹ Tú)*.

Các ngành thuộc khu vực II và khu vực III giảm là do những tháng đầu năm bị ảnh hưởng của dịch Covid - 19 và ảnh hưởng thời tiết cực đoan, nhưng đến tháng 5 và tháng 6/2020 hoạt động dần hồi phục, tình hình sản xuất và kinh doanh từng bước đi vào trạng thái bình thường ổn định.

2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

Mỹ Tú là huyện vùng sâu của Tỉnh Sóc Trăng, nên việc đẩy nhanh công nghiệp hóa và đô thị hoá của huyện bị hạn chế.

Nhận thức được vai trò quan trọng của khu vực kinh tế nông nghiệp trong việc ổn định xã hội và tăng trưởng kinh tế, trong thời gian qua, Huyện đã có nhiều chủ trương đầu tư cho các vùng sản xuất trọng điểm, triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra các hành lang cơ chế phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nên ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản của huyện phát triển khá toàn diện. Kết quả sản xuất các ngành kinh tế theo "*Báo cáo tình hình Kinh tế - Xã hội năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2021 của UBND huyện Mỹ Tú"* như sau:

a) Sản xuất nông nghiệp:

Theo năm lương thực, diện tích gieo trồng lúa 58.322ha; đạt 104,13%KH; trong đó, lúa đặc sản, chất lượng cao 46.658ha, chiếm 80,00%DT gieo trồng; cánh đồng mẫu lớn 11.051ha, đạt 100,01% KH; tổng sản lượng 379.326 tấn, đạt 102,66% KH (trong đó, sản lượng lúa đặc sản 160.473 tấn, đạt 115,83% KH; tăng 23,37% so năm 2019). Tình hình sản xuất năm nay tuy gặp một số khó khăn do khô hạn, mặn xâm nhập đầu năm nhưng không ảnh hưởng nhiều đến sinh trưởng của cây trồng. Để khắc phục những khó khăn đó và đạt được hiệu quả trong sản xuất, UBND huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn tập trung triển khai thực hiện đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch mùa vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất lúa vụ Đông xuân ảnh hưởng khô hạn sang trồng màu 300ha; chuyển đổi vụ lúa Thu đông kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản 350ha.

Diện tích trồng các loại rau màu tập trung tại xã Phú Mỹ, Mỹ Thuận, Mỹ Tú, Mỹ Phước và thị trấn 6.100ha, đạt 111,93% KH, tăng 12,55% so cùng kỳ. Cây mía 503 ha, đạt 100,60% KH; giảm 50,93% so năm 2019; hầu hết người trồng mía bán qua thương lái, giá bán tại ruộng khá thấp, từ 750 - 850 đ/kg, người trồng mía không có lãi, thậm chí có một số hộ bị lỗ. Diện tích cây ăn trái 1.902 ha, đạt 111,88% KH tập trung ở các xã Hưng Phú, Long Hưng, giảm 110ha (chuyển sang trồng tràm và các loại cây khác); trong năm, nhà vườn cải tạo, nâng chất và trồng mới 180 ha. Diện tích cây tràm hiện có 2.593ha, tập trung các xã Mỹ Phước, Mỹ Tú, Hưng Phú và Long Hưng, tăng 614ha so năm 2019 chủ yếu chuyển từ đất trồng mía và một số từ đất vườn cây ăn trái bị thoái hóa.

Tình hình chăn nuôi phát triển chậm do thiếu con giống, giá con giống tăng cao, rủi ro do bệnh dịch còn nhiều tiềm ẩn; nhất là dịch tả heo Châu phi, cúm gia cầm có nhiều khả năng bùn phát trở lại. Tổng đàn gia súc (thời điểm 01/10/2020) là 17.971 con, đạt 105,09% KH; tăng 10,16% so cùng kỳ. Trong đó, đàn heo 11.220 con, đạt 112,20% KH; đàn bò 6.671 con, đạt 95,30 % KH .... Đàn gia cầm 950.100 con, đạt 105,57% KH; tăng 0,39% so cùng kỳ. Ngành chức năng thực hiện tốt công tác tiêm phòng, tiêu độc khử trùng, kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ… đã góp phần đảm bảo không phát sinh dịch bệnh trong thời gian qua.

Thủy sản thả nuôi 3.655 ha tôm, cá các loại, đạt 101,95% KH, tăng 2,90% so cùng kỳ; Trong đó, có 350 ha nuôi cá đăng quầng các xã vùng trũng thay thế vụ lúa Thu đông. Ước tổng sản lượng thủy sản 8.578 tấn; đạt 100,96%KH.

Huyện đã thành lập mới 02 HTX và 03 THT, nâng lên 16 HTX (có 15 HTX nông nghiệp, 01 HTX tín dụng) và 78 THT. Huyện chọn chỉ đạo HTX nông sản Mỹ Hương và HTX Nông nghiệp Phương An 3 thực hiện liên kết sản xuất gắn với

tiêu thụ nông sản và đạt được một số kết quả nhất định, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề cần tập trung chỉ đạo trong thời gian tới.

Trong năm, Thủy lợi – GTNT thực hiện 46 công trình (02 CT thủy lợi, 32 CT đắp lề lộ GTNT và 11 CT ban tạo nền GTNT), tổng chiều dài 54.664 m; khối lượng 50.454 m3, đạt 126,14% KH; với 23.405 ngày công và kinh phí 55 triệu đồng. Thực hiện xã hội hóa kinh phí 300 triệu đồng, kéo mới 20.000 m đường ống cung cấp nước sạch cho 300 hộ ở các xã Mỹ Hương, Hưng Phú, Phú Mỹ, Mỹ Phước. Đồng thời, bằng nhiều nguồn, đã hỗ trợ 355 túi đựng nước cho 355 hộ; hỗ trợ 318 bình lọc nước cho 283 hộ, 05 trường, 06 trạm y tế và một số vật phẩm khác cho người dân vùng bị khô hạn, nhiễm mặn, thiếu nước ngọt sinh hoạt. Nâng đến nay, hộ dân đô thị sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh đạt 99,80% tổng số hộ; hộ dân nông thôn đạt 98,90% tổng số hộ.

b) Xây dựng nông thôn mới

Nhằm thực hiện có hiệu quả phong trào xây dựng nông thôn mới, huyện đã phối hợp tổ chức tập huấn kiến thức cho thành viên BCĐ huyện, xã, Ban Quản lý xã, Ban Phát triển 78 ấp, Hợp tác xã, tổ hợp tác; tiếp nhận và cấp phát 4.000 tờ bướm và sổ tay tuyên truyền về hộ văn hóa, ấp văn hóa nông thôn mới.

Kết quả, tập trung xây dựng xã Mỹ Tú đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020; nâng tổng số 04 xã (Long Hưng, Mỹ Hương, Hưng Phú, Mỹ Tú) đạt chuẩn NTM, xã Thuận Hưng đạt 17 tiêu chí và 03 xã (Mỹ Thuận, Phú Mỹ, Mỹ Phước) đạt 15 tiêu chí trở lên. Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm đặc trưng (OCOP), huyện có 04 sản phẩm được tỉnh công nhận, xếp loại

c) Quản lý Nhà nước về Tài nguyên và Môi trường:

Nâng đến nay, cấp 38.236 giấy, tương đương 34.143,52 ha, đạt 99,67% diện tích phải cấp. Nhận và giải quyết kịp thời các trường hợp thế chấp, xóa thế chấp; cập nhật chỉnh lý biến động 70 hồ sơ; chuyển mục đích sử dụng đất 05 trường hợp, giao đất 02 trường hợp (giao đất tái định cư công trình cầu A1). Hoàn chỉnh phương án xử lý đất Lâm Trường Mỹ Phước, phương án sắp xếp, xử lý khu đất Lung Béc Trang; triển khai lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, Kế hoạch sử dụng đất năm 2021; hoàn thành Kiểm kê và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019. Phối hợp kiểm tra đúng kế hoạch việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm. Tỷ lệ thu gom xử lý rác thải sinh hoạt tại các khu dân cư đô thị đạt 90,00%; khu dân cư nông thôn đạt 50,30%; xử lý rác thải y tế đạt 100%KH, nước thải y tế đạt 88,89%. Thu phí nước thải công nghiệp năm 2020 đạt 100%KH. Cấp giấy khai thác nước dưới đất 4.531 giấy. Lắp 08 cụm panô tuyên truyền về BVMT.

d) Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, điện

UBND huyện đã chỉ đạo linh hoạt thực hiện các giải pháp thúc đẩy sản xuất công nghiệp và thương mại, dịch vụ thích ứng trong tình hình bình thường mới sau đại dịch covid – 19; thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp chế biến đang giữ vai trò chủ đạo trên địa bàn huyện như sản xuất thực phẩm đồ uống, sản xuất trang phục, sản xuất vật liệu xây dựng, cưa xẻ gỗ, sản phẩm từ gỗ, xây xát gạo, chế tác kim loại . . . Kết quả, đã thực hiện giá trị sản xuất CN – TTCN năm 2020 là 581 tỷ đồng, đạt 105,06% KH. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ, tiêu dùng xã hội ước 5.402 tỷ đồng, đạt 100,04%KH và tăng 1,93% so cùng kỳ. Trong đó, bán lẻ 5.100 tỷ đồng.

đ) Thương mại – Dịch vụ, điện

Thương mại, dịch vụ tiếp tục được đầu tư, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng Khu ăn uống Chợ Huỳnh Hữu Nghĩa đáp ứng nhu cầu cho hơn 25 hộ mua bán; cải tạo nâng cấp khu rau, củ, quả chợ Mỹ Hương; sắp xếp trật tự mau bán các chợ góp phần ổn định trật tự mua bán. Tiếp nhận và cấp giấy phép đăng ký kinh doanh 117 hộ, tổng vốn đăng ký 19.780 triệu đồng. Phối hợp kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ là 40 vụ và xử lý 14 vụ vi phạm đúng quy định.

Công tác nâng cấp, sửa chữa phát triển lưới điện được thực hiện kịp thời, đảm bảo nguồn điện phục vụ sản xuất, sinh hoạt của người dân. Tuy nhiên, số hộ câu đuôi, sử dụng điện mất an toàn vẫn còn. Trong năm, kéo mới điện sinh hoạt đạt 299% KH; nâng tổng số 27.955 hộ có điện, chiếm 99,95% tổng số hộ.

e) Tài chính ngân sách

Ngay từ đầu năm, UBND huyện đã chỉ đạo tập trung công tác quản lý thuế, triển khai các giải pháp tăng cường công tác thu ngân sách và tăng cường kiểm soát chi ngân sách chặt chẽ, hiệu quả đúng theo quy định. Kết quả thu ngân sách trên địa bàn năm 2020 được 47,284 tỷ đồng, đạt 154,78% KH; tăng 56,01% so cùng kỳ; Chi ngân sách 453,036 tỷ đồng, đạt 120,31% dự toán điều chỉnh.

Các tổ chức tín dụng tiếp tục củng cố hoạt động có hiệu quả. Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp - PTNT huyện, huy động vốn đạt 100%KH, tăng trưởng 10% so cùng kỳ, nợ xấu khoảng 0,1% tổng dư nợ. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, huy động vốn đạt 100,1%KH; Tổng doanh số cho vay 65.686 triệu đồng; Tổng dư nợ 329.107 triệu đồng, tăng 4,35% so năm 2019. Nợ quá hạn chiếm 0,25% tổng dư nợ.

Về đầu tư công, UBND huyện đã phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư 61 danh mục công trình mới và thanh toán chuyển tiếp 8 công trình, với tổng nguồn vốn 139.815 triệu đồng. Đến cuối tháng 11, hoàn thành 47 công trình xây dựng mới,

thanh toán chuyển tiếp 7 công trình; giải ngân 95.723 triệu đồng, đạt 68,46% kế hoạch vốn (ước cuối năm giải ngân vốn đạt 92,1%). Riêng nguồn vốn tỉnh quản lý đầu tư trên địa bàn gồm Đường giao thông đến trung tâm xã Mỹ Tú (đường huyện 86), với tổng mức đầu tư 93.098 triệu đồng; tiến độ hoàn thành 57% khối lượng, tổng vốn đã cấp 60 tỷ đồng; giải ngân 54,846 tỷ đồng; đạt 91,40% vốn; Nâng cấp đường lien xã Phú Mỹ - Mỹ Thuận, tổng mức đầu tư 20 tỷ đồng; tiến độ hoàn thành 100% khối lượng, tổng vốn đã cấp 18 tỷ đồng, giải ngân 15,04 tỷ đồng, đạt 83,6% vốn.

2.3. Thực trạng văn hóa, xã hội

2.3.1. Dân số

Theo số liệu tổng điều tra ngày 01/4/2019 dân số của huyện Mỹ Tú là 95.535 người (nguồn: NGTK 2018, phát hành năm 2019), mật độ dân số bình quân 293 người/km^2 và có sự chênh lệch khá lớn giữa các xã, thị trấn trong đó, người Kinh: chiếm 75,54%; người Hoa: chiếm 1,59%; người Khmer: chiếm 22,87%; Công tác Dân số - KHHGĐ của huyện Mỹ Tú gặp không ít khó khăn về vùng sâu, vùng nhiều đồng bào dân tộc Khmer sinh sống đang xen. Công tác tuyên truyền, vận động còn gặp nhiều khó khăn nhất là vùng đồng bào dân tộc Khmer nếp sống theo phong tục tập quán truyền thống và tín ngưỡng về tôn giáo, việc nhận thức của người dân tộc ở những xã vùng sâu còn hạn chế trong việc thực hiện chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

2.3.2. Lao động và đào tạo nghề

Dân số trong độ tuổi lao động theo số liệu Tổng điều tra 01/4/2019 là 50.757 lao động (chiếm 53,13% tổng dân số của huyện). Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 32.931 lao động (chiếm 64,88% dân số trong độ tuổi lao động).

Do ảnh hưởng dịch covid – 19, công tác đào tạo nghề chậm triển khai; đến nay, đào tạo 341 học viên, đạt 15,50%KH; giải quyết việc làm mới 1.585 lao động, đạt 72% KH; có 04 lao động xuất cảnh đi làm việc ở ngoài nước.

2.3.3. Giáo dục

Năm học 2019 – 2020, huy động 21.232 học sinh ra lớp, đạt 95,98%KH; hiện diện cuối năm học 20.686 học sinh, giảm 546 học sinh, chiếm 2,56% với nhiêu lý do như bỏ học, theo cha mẹ đi làm thuê xa, chuyển trường, chuyển sang học nghề…. Kết quả đánh giá cuối năm, có 100% trẻ mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN, 99,74% học sinh tiểu học hoàn thành Chương trình, có 56,20% HS THCS đạt khá, giỏi; Có 100% xã, thị trấn hoàn thành công tác phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi; PCGDTH có 9/9 xã, thị trấn đạt mức độ 3; PCGDTHCS có 6/9 xã, thị trấn đạt mức độ 2 (TT Huỳnh Hữu Nghĩa, Phú Mỹ,

Thuận Hưng, Long Hưng, Mỹ Hương và Mỹ Thuận), còn 3/9 xã đạt mức độ 1 (Mỹ Tú, Hưng Phú, Mỹ Phước); có 9/9 xã, thị trấn đạt mức độ 2. Nhìn chung, chất lượng giáo dục nâng lên cả về số lượng và chất lượng so năm trước; tỷ lệ học sinh phổ thông được công nhận tốt nghiệp năm 2020 tăng 1,90% và cao hơn 0,18% so tỷ lệ chung của Tỉnh; Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 có 100% HS THPT và 88,24% HS hệ Giáo dục thường xuyên đạt tốt nghiệp; mạng lưới trường lớp từng bước được ổn định, cơ sở vật chất trường học được đầu tư mới, sửa chữa nâng cấp khang trang, sạch đẹp. Tuy nhiên, tỷ lệ học sinh yếu, kém có tăng nhẹ so năm học trước; nhất là cấp tiểu học do sự thừa thiếu giáo viên cục bộ ở các cấp học, diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 ... ảnh hưởng đến thực hiện chương trình giảng dạy và chất lượng giáo dục.

Đầu năm học 2020-2021, huy động 21.261 học sinh ra lớp, đạt 101,85%KH; trong đó, Nhà trẻ đạt 93,75%; Mẫu giáo đạt 102,55%; Tiểu học đạt 101,12%KH; THCS đạt 102,93%KH; THPT đạt 101,90%KH. Tỉ lệ học sinh trong độ tuổi ra lớp đạt như sau: Nhà trẻ 13,54%; Mẫu giáo 75,76%; Tiểu học 99,24%; THCS 94,45%; THPT 84,77%. Huyện có 33/47 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm 71,11% tổng số trường và đạt 101,59% kế hoạch *(Nguồn: Báo cáo tình hình Kinh tế - Xã hội năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2021 của UBND huyện Mỹ Tú).*

2.3.4. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Trong tình hình mới, cơ sở hạ tầng y tế, một số trang thiết bị cận lâm sàng hiện đại được đầu tư; 88,89% y tế cơ sở có bác sỹ phục vụ; Công tác khám chữa bệnh từng bước được nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân; 100% xã, thị trấn thực hiện tốt các chương trình mục tiêu Y tế Quốc gia. Huyện đã tập trung quyết liệt công tác phòng, chống dịch Covid-19; giai đoạn 1 (từ 23/01/2020 – 30/06/2020), hoàn thành cách ly 74/76 người (không tìm gặp ở địa phương 02 người); giai đoạn 2 (từ 01/07/2020 đến 14/9/2020) hoàn thành cách ly và theo dõi sức khỏe tại nhà 48/48 người. Phát sinh 08 ổ dịch nhỏ (ODN) Sốt xuất huyết, giảm 28 ổ so cùng kỳ; Số cas mắc đầu vào 33 ca, giảm 51 ca so cùng kỳ. Số cas mắc bệnh Tay - chân - miệng đầu vào lũy kế 56 ca, giảm 92 ca so cùng kỳ; Số ổ dịch Tay – Chân - Miệng (OD) lũy kế 07 OD, giảm 15 OD so cùng kỳ (tính đến 16/11/2020). Thực hiện tiêm chủng miễn dịch đầy đủ cho 1.639 trẻ dưới một tuổi đạt 99,00%KH; trẻ dưới năm tuổi suy dinh dưỡng còn 10%. Vận động thực hiện KHHGĐ đạt 72,99% kế hoạch *(Nguồn: Báo cáo tình hình Kinh tế - Xã hội năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2021 của UBND huyện Mỹ Tú).*

2.3.5. Hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và truyền thanh

Thực hiện tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn trong

năm; tuyên truyền Đại hội Đảng các cấp, các Chương trình mục tiêu quốc gia… bằng nhiều hình thức như băng rôn, panô, triển lãm; chương trình chuyên đề phát trên Đài Truyền thanh huyện; Tuyên truyền đường dài… Tham gia cộng tác trên sóng Đài PTTH Sóc Trăng được 185 tin, 01 bài. Thiết chế văn hóa được tăng cường, cải tạo 04 nhà, xây mới 09 nhà sinh hoạt cộng đồng; nâng tổng số có 81 nhà sinh hoạt cộng đồng và 8 Nhà văn hóa xã; xây dựng "Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị" đạt 22/24 tiêu chí.

Phong trào văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao được quan tâm đưa về cơ sở; số người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên khoảng 27.500 người (chiếm 25,35% dân số); có 1.150 hộ gia đình thể thao (chiếm 4,49% tổng số hộ); giữ vững 69 câu lạc bộ thể dục thể thao. Hỗ trợ xây dựng 01 điểm du lịch Homestay tại ấp Phương An 3, xã Hưng Phú. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động cho 05 điểm cung cấp dịch vụ điện tử công cộng. Đội KTLN 814 tổ chức kiểm tra 09 cuộc, xử lý vi phạm hành chính 01 trường hợp *(Nguồn: Báo cáo tình hình Kinh tế - Xã hội năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2021 của UBND huyện Mỹ Tú).*

2.3.6. Chính sách xã hội

Thực hiện kịp thời, đầy đủ hằng tháng chính sách người có công, chăm lo Tết nguyên đán, các ngày lễ lớn cho hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người già neo đơn, trẻ mồ côi, hộ khó khăn. Nhận, thẩm định và chuyển tỉnh xem xét 02 hồ sơ Bà mẹ Việt Nam anh hùng; có 45 hồ sơ đủ điều kiện hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ; Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội cho người cao tuổi, người khuyết tật, mai táng phí… Chi hỗ trợ các nhóm đối tượng Người có công, bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo và người lao động bị ảnh hưởng đại dịch Covid – 19 là 23.336 triệu đồng. Đào tạo nghề 2.268 lao động, đạt 103,1%KH; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 51,6 %, qua đào tạo nghề đạt 43,53%. Giải quyết việc làm mới 2.262 lao động, đạt 102,81 %KH; có 10 lao động xuất cảnh đi làm việc ở ngoài nước ngoài, đạt 38,46%KH.

Năm 2020, UBND huyện đã chỉ đạo lồng ghép nguồn vốn các Chương trình mục tiêu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển kinh tế. Qua điều tra, rà soát có 581 hộ thoát nghèo, đạt 105,63% KH; số hộ nghèo cuối năm là 1.128 hộ, tỷ lệ hộ nghèo 4,1%; số hộ thoát cận nghèo 864 hộ, số hộ cận nghèo cuối năm là 3.711 hộ, tỷ lệ hộ cận nghèo 13,5%.

Thu BHXH lũy kế 120.442 triệu đồng, đạt 87%KH; đã phát triển 942 người tham gia BHXH tự nguyện, đạt 78,37% KH; tham gia BHYT hộ gia đình từ đầu năm đến nay là 3.578 người; nâng tổng số người tham gia là 12.107 người. Tỷ lệ bao phủ tham gia BHYT đạt 87,77% dân số *(Nguồn: Báo cáo tình hình KT-XH năm*

2020 và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2021 của UBND huyện Mỹ Tú).

2.3.7. An ninh, Quốc phòng

a) Bảo đảm an ninh

Trong năm, tình hình an ninh chính trị được giữ vững ổn định, kịp thời phát hiện và giám sát chặt chẽ 73 lượt người qua lại biên giới VN - CPC (giảm 55 trường hợp so cùng kỳ); tiếp nhận và thông báo về trên 174 trường hợp Việt kiều về đăng ký lưu, tạm trú trên địa bàn (Giảm 193 trường hợp so cùng kỳ); 05 đoàn 15 người nước ngoài đến địa phương hướng dẫn thực hiện các dự án NGO (Giảm 01 đoàn 09 người so cùng kỳ).

Xảy ra 35 vụ phạm pháp hình sự (Tăng 18 vụ so cùng kỳ; án rất nghiêm trọng 01 vụ (Tương đương cùng kỳ); án nghiêm trọng và ít nghiêm trọng 34 vụ (Tăng 17 vụ so cùng kỳ); bắt quả tang 02 vụ 04 đối tượng tàng trữ và mua bán trái phép chất ma túy (Tăng 01 vụ so cùng kỳ); quản lý 91 đối tượng sử dụng ma túy; tuyên truyền phòng chống ma túy 08 cuộc thu hút 1.251 lượt người dự. Bắt quả tang 08 vụ vận chuyển, mua bán thuốc lá ngoại nhập lậu (Tăng 06 vụ so cùng kỳ); Bắt quả tang 01 vụ mua bán hàng nhập lậu. Kiểm tra 21 cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp, phát hiện 07 cơ sở vi phạm, phạt hành chính 07 chủ cơ sở. Kiểm tra VSATTP 64 cơ sở đều thực hiện đúng quy định. Phát hiện và xử lý 02 trường hợp xử dụng xung điện đánh bắt thuỷ sản.

Công tác đấu tranh với hoạt động tệ nạn xã hội luôn được quan tâm sâu sắc, đã vô hiệu hóa 07 điểm tệ nạn xã hội các hình thức có dư luận trong nhân dân. Triệt phá 55 điểm bắt quả tang 313 đối tượng đánh bạc ăn tiền các hình thức, thu giữ tang vật và xử lý theo quy định pháp luật.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa và đảm bảo trật tự an toàn giao thông, tổ chức 06 cuộc giáo dục tuyên truyền Luật giao thông đường bộ, Nghị định 100/CP có 2.916 lượt người tham dự, phát 5.050 tờ rơi; đưa 48 tin bài về TTATGT trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức tuần tra kiểm soát giữ gìn TTATGT 570 cuộc có 3.254 lượt đồng chí tham gia (đường thuỷ 05 cuộc 10 đồng chí), phát hiện, xử lý 642 trường hợp; đình chỉ hoạt động 12 bến đò máy không đủ điều kiện và nhắc nhỡ 05 bến. Tình hình tai nạn giao thông đã được kiềm chế về cả 3 mặt, tuy nhiên vẫn còn xảy ra 07 vụ (Tương đương so cùng kỳ). *(Nguồn: Báo cáo tình hình Kinh tế - Xã hội năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2021 của UBND huyện Mỹ Tú).*

b) Củng cố quốc phòng

BCH QS huyện: Duy trì nghiêm chế độ trực SSCĐ đúng quy định, bảo vệ các cao điểm theo kế hoạch, chỉ đạo quân báo trinh sát phối hợp với các lực lượng

có liên quan theo dõi tình hình ANTT-TTATXH trên địa bàn, kịp thời xử lý các tình huống không để bị động, bất ngờ; thực hiện nghiêm công tác phối hợp hoạt động theo Nghị định só 03/2019/NĐ-CP của Chính phủ đúng chức năng, nhiệm vụ; đảm thông tin liên lạc thông suốt với các tuyến. Lực lượng Dân Quân tự vệ (DQTV) phối hợp cùng Công an tổ chức tuần tra 1.554 cuộc, có 11.130 lượt đ/c tham gia đã góp phần giữ vững tình hình ANCT – TTATXH trên địa bàn. Công tác xây dựng các kế hoạch thực hiện đảm bảo yêu cầu theo chỉ đạo của trên và thực hiện các báo cáo tổng kết, sơ kết nhiệm vụ kịp thời.

Xây dựng lực lượng ổn định theo biên chế: Đăng ký mới được 75 QNDB hạng 1, biên chế vào các đơn vị DBĐV đạt 100% nhu cầu; củng cố xây dựng Lực lượng DQTV đạt 1,54% dân số. Công tác tuyển chọn, gọi công nhân nhập ngũ năm 2020 đạt 100% chỉ tiêu. Tổ chức tập huấn công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2021; đã ban hành quyết định giao chỉ tiêu tuyển chọn, tổ chức khám sức khỏe NVQP và NVCA cho các xã, thị trấn *(Nguồn: Báo cáo tình hình Kinh tế - Xã hội năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2021 của UBND huyện Mỹ Tú).*

2.4. Thực trạng về môi trường

Huyện Mỹ Tú có 8 xã, 01 thị trấn, trong đó có 08 xã, 01 thị trấn có đội thu gom rác, huyện có 01 Bãi rác tập trung của huyện tại ấp Tân Hòa B, xã Long Hưng diện tích 7.000m^2, 01 Bãi rác trung chuyển tại ấp Xẻo Gừa, xã Mỹ Hương diện tích 1.093m^2 và 01 nhà máy xử lý chất thải rắn Thành phố và các vùng lân cận trên địa bàn xã Phú Mỹ với diện tích là 258.700m^2. Hiện nay 09/09 xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều có tổ chức thu gom rác.

Việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác trên địa bàn huyện đã giao cho Công ty TNHH dịch vụ môi trường - xây dựng Hưng Phát thực hiện. Lượng rác thải phát sinh hàng ngày của các xã, thị trấn được thu gom về bãi rác huyện là 10-12 tấn/ngày. Hiện nay Bãi rác tập trung của huyện đã được đầu tư xây dựng Lò đốt rác nhằm giải quyết tình trạng quá tải của bãi rác (lò đốt rác đã vận hành từ tháng 9/2018). Trên địa bàn huyện các cơ sở sản xuất kinh doanh với quy mô nhỏ, đa số các hộ dân kinh doanh dịch vụ, công tác thu gom rác được thực hiện khá tốt nên trên địa bàn chưa xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020

So sánh các chỉ tiêu sử dụng đất hiện trạng năm 2020 với các chỉ tiêu theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Mỹ Tú được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc

Trăng phê duyệt theo Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 20/01/2020. Kết quả thực hiện cụ thể các chỉ tiêu như sau:

Bảng 3: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất 2020

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng 2019 (ha)	Năm 2020		Kế hoạch tăng (+), giảm (-) (ha)	Thực hiện tăng (+), giảm (-) (ha)	So sánh KH/TH	
			Kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện (ha)			Tăng (+), giảm (-) (ha)	So sánh %
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)	(8)=(6)-(4)	(9)=(7)-(8)	(10)=(8)/(7)*100
	Tổng diện tích tự nhiên	**36.819,26**	**36.819,26**	**36.819,26**				
1	**Đất nông nghiệp**	**33.545,00**	**33.458,81**	**33.541,32**	**-86,19**	**-3,68**	**-82,51**	**4,26**
1.1	Đất trồng lúa	22.640,09	22.630,91	22.634,73	-9,18	-5,36	-3,81	58,47
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*22.640,09*	*22.630,91*	*22.634,73*	*-9,18*	*-5,36*	*-3,81*	*58,47*
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	1.999,75	*1.941,27*	1.999,55	-58,48	-0,20	-58,28	0,34
1.3	Đất trồng cây lâu năm	5.390,71	5.423,86	5.392,60	33,16	1,89	31,27	5,70
1.4	Đất rừng phòng hộ	278,92	278,92	278,92				
1.5	Đất rừng đặc dụng							
1.6	Đất rừng sản xuất	2.990,31	2.621,37	2.990,31	-368,94		-368,94	
1.7	Đất nuôi trồng thuỷ sản	234,35	233,35	234,35	-1,00		-1,00	
1.8	Đất làm muối							
1.9	Đất nông nghiệp khác	10,87	329,12	10,87	318,25		318,25	
2	**Đất phi nông nghiệp**	**3.274,27**	**3.360,45**	**3.277,94**	**86,19**	**3,68**	**82,51**	**4,26**
2.1	Đất quốc phòng	106,23	106,23	106,23				
2.2	Đất an ninh	6,89	6,89	6,89				
2.3	Đất khu công nghiệp							
2.4	Đất khu chế xuất							
2.5	Đất cụm công nghiệp							
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	6,41	6,41	6,41				
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	4,88	8,18	4,88	3,30		3,30	
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản							
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	1.773,36	1.842,45	1.774,84	69,09	1,48	67,61	2,14
2.9.1	*Đất giao thông*	*503,22*	*513,22*	*503,25*	*10,00*	*0,03*	*9,97*	*0,30*
2.9.2	*Đất thuỷ lợi*	*1.226,16*	*1.283,23*	*1.226,16*	*57,07*		*57,07*	
2.9.3	*Đất công trình năng lượng*	*1,36*	*1,36*	*1,36*				
2.9.4	*Đất công trình bưu chính VT*	*0,45*	*0,45*	*0,45*				
2.9.5	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*1,06*	*1,06*	*1,06*				
2.9.6	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*3,04*	*3,34*	*3,04*	*0,30*		*0,30*	
2.9.7	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo*	*27,78*	*29,50*	*29,23*	*1,72*	*1,45*	*0,27*	*84,30*

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng 2019 (ha)	Năm 2020		Kế hoạch tăng (+), giảm (-) (ha)	Thực hiện tăng (+), giảm (-) (ha)	So sánh KH/TH	
			Kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện (ha)			Tăng (+), giảm (-) (ha)	So sánh %
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)	(8)=(6)-(4)	(9)=(7)-(8)	(10)=(8)/(7)*100
2.9.8	*Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao*	*5,81*	*5,81*	*5,81*				
2.9.9	*Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ*							
2.9.10	*Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội*							
2.9.11	*Đất chợ*	4,48	*4,48*	*4,48*				
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	21,88	21,88	21,88				
2.11	Đất danh lam thắng cảnh							
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	26,84	26,84	26,84				
2.13	Đất ở tại nông thôn	499,46	509,23	501,16	9,77	1,70	8,07	17,40
2.14	Đất ở tại đô thị	32,47	35,57	32,96	3,10	0,49	2,61	15,81
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	14,08	14,38	14,08	0,30		0,30	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	2,71	2,91	2,71	0,20		0,20	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao							
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	30,42	30,42	30,42				
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	35,14	35,14	35,14				
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm							
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	2,16	2,58	2,16	0,42		0,42	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,12	0,12	0,12				
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	5,59	5,59	5,59				
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	705,63	705,63	705,63				
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng							
2.26	Đất phi nông nghiệp khác							
3	**Đất chưa sử dụng**							
4	**Đất khu công nghệ cao***							
5	**Đất khu kinh tế***							
4	**Đất đô thị***	**1.142,65**	**1.142,65**	**1.142,65**				

Ghi chú: (*): Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

Qua bảng trên cho thấy kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Mỹ Tú đạt được như sau:

*** Đất nông nghiệp**: Hiện trạng năm 2019 là 33.545,00ha, chỉ tiêu Kế hoạch năm 2020 giảm 86,19ha để chuyển sang đất phi nông nghiệp nhưng trong năm

2020 chỉ thực hiện được 3,68ha đạt 4,26% kế hoạch. Nguyên nhân do số công trình dự án sử dụng đất phi nông nghiệp phải chu chuyển từ đất nông nghiệp thực hiện được trong năm kế hoạch 2020 đạt thấp. Diện tích còn lại sau khi rà soát đối chiếu lại *đề nghị chuyển sang đất KHSDĐ năm 2021 là 82,51ha*.

Trong đó:

- Đất trồng lúa: Hiện trạng năm 2019 là 22.640,09ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 giảm 9,18ha. Kết quả trong năm 2020 thực hiện giảm được 5,36ha, đạt 58,47%. Nguyên nhân, do chuyển mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp từ lúa sang cây lâu năm chưa đạt và một số công trình hạ tầng có chu chuyển từ đất lúa chưa được triển khai. Diện tích chưa thực hiện sau khi rà soát đối chiếu đề nghị chuyển sang năm 2021 tiếp tục thực hiện.

- Đất trồng cây hằng năm khác: Hiện trạng năm 2019 là 1.999,75ha, chỉ tiêu Kế hoạch năm 2020 giảm 58,48ha. Kết quả trong năm 2020 thực hiện giảm được 0,20ha. Do nhiều công trình, dự án phi nông nghiệp lấy vào đất trồng cây hàng năm khác chưa được thực hiện.

- Đất trồng cây lâu năm: Hiện trạng năm 2019 là 5.390,71ha, chỉ tiêu Kế hoạch năm 2020 tăng 33,16ha. Kết quả trong năm 2020 thực hiện được 1,89ha, đạt 5,70%. Nguyên nhân, do chuyển mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp từ lúa sang cây lâu năm đạt thấp

- Đất rừng sản xuất: Hiện trạng năm 2019 là 2.990,31ha, chỉ tiêu Kế hoạch năm 2019 giảm 368,94ha (giảm sang phi nông nghiệp là 17,69ha, trong nội bộ đất nông nghiệp 351,25ha). Kết quả trong năm 2019 chưa thực hiện được chuyển sang năm 2020. Kết quả đạt thấp do phương án sắp xếp đất lâm trường Mỹ Phước chưa thực hiện xong.

*** Đất phi nông nghiệp**: Hiện trạng năm 2019 là 3.274,27ha, Chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 tăng 86,19ha nhưng trong năm 2020 thực hiện được 3,68ha đạt 4,26% kế hoạch, diện tích còn lại 82,51ha chưa thực hiện. Nguyên nhân đạt thấp do số công trình dự án phi nông nghiệp trong kế hoạch năm thực hiện đạt thấp. Xét một số công trình, dự án còn phù hợp với tình hình địa phương và có khả năng thực hiện sẽ đề nghị chuyển tiếp sang năm 2021, cụ thể như:

- Đất quốc phòng: Kế hoạch năm 2020 có 106,23ha không thay đổi trong năm kế hoạch.

- Đất an ninh: Hiện trạng năm 2019 là 6,89ha không thay đổi trong năm kế hoạch.

- Đất thương mại, dịch vụ: Kế hoạch năm 2020 không thay đổi trong năm kế hoạch.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Hiện trạng năm 2019 là 4,88ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 là 8,18ha tăng 3,30ha nhưng trong năm 2020 chưa thực hiện được. Nguyên nhân do kế hoạch phát triển các cơ sở sản xuất theo các tuyến giao thông chính chưa được thực hiện, đề nghị chuyển sang kế hoạch năm 2021.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Hiện trạng năm 2019 là 1.773,36ha, chỉ tiêu Kế hoạch 2020 tăng 69,09ha, nhưng thực hiện tăng được 1,48ha đạt tỷ lệ 2,14%. Nguyên nhân đạt thấp do số nhiều công trình dự án phi nông nghiệp trong năm kế hoạch chưa được thực hiện, chỉ tiêu kế hoạch còn lại chưa thực hiện mà còn phù hợp sau khi rà soát đối chiếu lại đề nghị chuyển sang năm 2021 tiếp tục thực hiện. Trong đó:

+ Đất giao thông: kế hoạch tăng 10,0ha, thực hiện được 0,03ha, đạt 0,3%;

+ Đất thủy lợi: kế hoạch tăng 57,07ha, chưa được thực hiện;

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: kế hoạch tăng 0,3ha, chưa được thực hiện;

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo: kế hoạch tăng 1,72ha, thực hiện được 1,45ha, đạt 84,30%.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao: Kế hoạch năm 2020 có 5,81ha, diện tích không có thay đổi trong năm kế hoạch.

+ Đất chợ: Kế hoạch năm 2020 có 4,48ha, diện tích không có thay đổi trong năm kế hoạch.

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Kế hoạch năm 2020 có 21,88ha không thay đổi trong năm kế hoạch.

- Đất bãi thải, xử lý rác: Kế hoạch năm 2020 có 26,84ha không thay đổi trong năm kế hoạch..

- Đất ở đô thị: Hiện trạng năm 2019 là 32,47ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 35,57ha tăng 3,10ha, Thực hiện tăng được 0,49ha đạt 15,81%. Nguyên nhân đạt thấp do việc chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình cá nhân đạt thấp và các điểm đấu giá trên địa bàn mới thực hiện được một số lô tại thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, Long Hưng và khu dân cư Bà Lui, nên chưa đạt so với kế hoạch.

- Đất ở nông thôn: Hiện trạng năm 2019 là 499,46ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 có 509,23ha tăng 9,77ha, thực hiện tăng được 1,70ha đạt 17,40% kế hoạch. Nguyên nhân chưa đạt do việc chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình cá nhân ở các xã, theo các tuyến giao thông đã đăng ký thực hiện được thấp.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Hiện trạng năm 2019 là 14,08ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 có 14,38ha tăng 0,3ha, chưa thực hiện được. Nguyên nhân không đạt do các công trình trụ sở cơ quan chưa được thực hiện.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Hiện trạng năm 2019 là 2,71ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 có 2,91ha tăng 0,2ha, chưa thực hiện được. Nguyên nhân không đạt do các công trình trụ sở của tổ chức sự nghiệp chưa được thực hiện.

- Đất cơ sở tôn giáo: Kế hoạch năm 2020 có 30,42ha không thay đổi trong năm kế hoạch.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: Kế hoạch năm 2020 có 35,14ha không thay đổi trong năm kế hoạch.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Hiện trạng năm 2019 là 2,16ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 có 2,58ha tăng 0,42ha. Trong năm 2020 chưa thực hiện được.

- Đất khu vui chơi, giải trí, công cộng: Kế hoạch năm 2020 có 0,12ha không thay đổi trong năm kế hoạch.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Kế hoạch năm 2020 có 5,59ha không thay đổi trong năm kế hoạch.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Kế hoạch năm 2020 có 705,63ha không thay đổi trong năm kế hoạch.

Bảng 4: Danh mục các công trình đã thực hiện năm 2020

STT	Danh mục dự án, công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Bố trí tái định cư Cầu – A1	0,09	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa
2	Mở rộng trường Tiểu học B thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	0,35	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa
3	Cầu Mương Khai	0,026	Xã Mỹ Hương
4	Trường Tiểu học Phú Mỹ A	0,67	Xã Phú Mỹ
5	Trường Tiểu học Mỹ Thuận B	0,43	Xã Mỹ Thuận

Trong kỳ kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã thực hiện **5/32** công trình, dự án, đạt **15,63%** số công trình, dự án.

Đối với chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình và cá nhân: thực hiện được 2,10/12,78ha, đạt **16,43%** diện tích.

Đối với công tác đấu giá quyền sử dụng đất: đã thực hiện đấu giá các lô Trung tâm thương mại TT. Huỳnh Hữu Nghĩa (dãy E) và một số lô của trung tâm thương mại Long Hưng; thực hiện đấu giá được một số lô của Khu dân cư Bà Lui (xã Mỹ Hương). Tổng diện tích thực hiện được là: 0,32/0,75ha, đạt **42,67%**.

Bảng 5: Danh mục các công trình chưa thực hiện năm 2020

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Nhà máy năng lượng điện mặt trời (ấp Tân Phước A1 - Khu đất của huyện quản lý)	Long Hưng	18,60

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
2	Trường tiểu học Mỹ Thuận C	Mỹ Thuận	0,44
3	Mở rộng Đường huyện 82 xã Mỹ Phước	Mỹ Phước	3,00
4	Trường Mẫu giáo Mỹ Tú (điểm ấp Mỹ Hòa)	Mỹ Tú	0,13
5	Nhà máy nước Liên xã Mỹ Tú- Mỹ Thuận	Mỹ Tú	0,50
6	Trung tâm TM Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa II	TT.HHN	3,85
7	Cụm trạm trại nông nghiệp	TT.HHN	0,20
8	Liên đoàn lao động huyện	TT.HHN	0,30
9	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác	1,00 ha Long Hưng; 0,5 ha Mỹ Tú; 2 ha Hung Phú	4,0
10	Dự án xây dựng đê bao chống ngập úng vùng trũng huyện Mỹ Tú	Xã Mỹ Phước, Mỹ Tú, Long Hưng, Hưng Phú	39,48
11	Đất sản xuất kinh doanh tuyến QLPH	Long Hưng; Hưng Phú	2,0
12	Đất sản xuất kinh doanh tuyến 940	Long Hưng	0,5
13	Nhà sinh hoạt cộng đồng các ấp	Các xã	0,35
14	Chợ Phước Bình	Mỹ Thuận	1,60
15	Giao đất cho hộ ND nghèo không đất. (PA sắp xếp LT Mỹ Phước) (ONT:0,09ha; CLN:50,00ha; RXS:72,55)	Mỹ Phước	50,09
16	Giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng kêu gọi đầu tư dự án nông nghiệp(NKH) + nhà máy năng lượng mặt trời (PA sắp xếp LT Mỹ Phước)	Mỹ Phước	314,25
17	Đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô Trung tâm thương mại Long Hưng	Long Hưng	0,20
18	Đấu giá quyền sử dụng đất đối với Trạm y tế thị trấn và Trường Tiểu học Long Hưng A	TT.HHN, Long Hưng	0,14
19	Trạm Y tế xã Hưng Phú	Hưng Phú	0,30
20	Đường Trung Tâm xã (Hưng Phú)	Hưng Phú	0,60
21	Đường dẫn cầu Bún Tàu	Long Hưng	0,16
22	Đường giao thông đến trung tâm xã Mỹ Tú (đường huyện 86 đoạn đấu nối lộ kênh 3 cảnh)	Xã Mỹ Tú	0,17
23	Trường Tiểu học Phú Mỹ C	Phú Mỹ	0,60
24	Xử lý khu đất lung Béc Trang xã Long Hưng	Long Hưng	46,29
25	Xử lý khu đất 2 bên nhà lồng chợ Mỹ	Mỹ Hương	0,23

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
	Hương và Khu ao		
26	Cty TNHH giầy da Mỹ Phong (Thuận Hưng)	Thuận Hưng	0,8
27	Đấu giá cho thuê đất khu đất UBND tỉnh thu hồi của Công ty Lâm Dũng, Lâm trường Phước Thọ	Mỹ Phước	101,05

Trong **27 công trình, dự án** chưa thực hiện của năm 2020, **có 10** công trình, dự án đã đưa vào kế hoạch **quá 03 năm** (công trình đã được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2018 về trước), nay đề xuất:

(1). Hủy bỏ 02 công trình, dự án là: Liên đoàn lao động huyện (từ KHSDĐ năm 2017) và Cụm trạm trại nông nghiệp (TT. Huỳnh Hữu Nghĩa) từ KHSDĐ năm 2018.

(2). Còn 08 công trình dự án đề nghị chuyển tiếp, cụ thể:

- 02 dự án thuộc danh mục kêu gọi đầu tư:

+ Chợ Phước Bình (từ KHSDĐ 2015), nay chuyển tiếp trong KHSDĐ năm 2021 sẽ đổi thành: Dự án khu đô thị mới Mỹ Thuận *(theo Báo cáo số 427/BC-TCKH ngày 17/12/2020 của P.Tài chính huyện Mỹ Tú và Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 9/5/2019 của UBND tỉnh).*

+ Trung tâm TM TT. Huỳnh Hữu Nghĩa II (từ KHSDĐ 2018), nay chuyển tiếp trong KHSDĐ năm 2021 sẽ đổi thành: Dự án khu đô thị mới Mỹ Tân *(Báo cáo số 427/BC-TCKH ngày 17/12/2020 của P.Tài chính huyện Mỹ Tú và Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của UBND tỉnh).*

- 02 dự án do tỉnh quản lý (sẽ cập nhật khi có chủ trương mới của tỉnh): Giao đất cho hộ ND nghèo không đất 122,64ha (PA sắp xếp LT Mỹ Phước), Giao đất Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng kêu gọi đầu tư dự án nông nghiệp (NKH) + nhà máy năng lượng mặt trời;

- 01 dự án (Đã có nhà đầu tư, dự án UBND tỉnh Hậu Giang kêu gọi đầu tư): Đường dẫn cầu Bún Tàu;

- 03 dự án đang làm thủ tục thực hiện và triển khai thực hiện: (i) Dự án xây dựng đê bao chống ngập úng vùng trũng huyện Mỹ Tú, (ii) Đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô Trung tâm thương mại TT.HHN dãy E (đã thực hiện xong dãy E) + Long Hưng (trong năm 2021 tiếp tục thực hiện các lô còn lại), (iii) Đấu giá quyền sử dụng đất đối với Trạm y tế thị trấn và Trường Tiểu học Long Hưng A.

Như vậy, sau khi hủy bỏ 02 dự án thì **đề nghị chuyển tiếp 25** công trình, dự án còn lại sang kế hoạch sử dụng đất năm 2021.

Bảng 6: Danh mục các công trình chuyển tiếp trong năm kế hoạch 2021

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Nhà máy năng lượng điện mặt trời (ấp Tân Phước A1 - Khu đất của huyện quản lý)	Long Hưng	18,60
2	Trường tiểu học Mỹ Thuận C	Mỹ Thuận	0,44
3	Mở rộng Đường huyện 82 xã Mỹ Phước	Mỹ Phước	3,00
4	Trường Mẫu giáo Mỹ Tú (điểm ấp Mỹ Hòa)	Mỹ Tú	0,13
5	Nhà máy nước Liên xã Mỹ Tú- Mỹ Thuận	Mỹ Tú	0,50
6	Trung tâm TM Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa II	TT.HHN	3,85
7	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác	1,00 ha Long Hưng; 0,5 ha Mỹ Tú; 2 ha Hung Phú	4,0
8	Dự án xây dựng đê bao chống ngập úng vùng trũng huyện Mỹ Tú	Xã Mỹ Phước, Mỹ Tú, Long Hưng, Hưng Phú	39,48
9	Đất sản xuất kinh doanh tuyến QLPH	Long Hưng; Hưng Phú	2,0
10	Đất sản xuất kinh doanh tuyến 940	Long Hưng	0,5
11	Nhà sinh hoạt cộng đồng các ấp	Các xã	0,35
12	Chợ Phước Bình	Mỹ Thuận	1,60
13	Giao đất cho hộ ND nghèo không đất. (PA sắp xếp LT Mỹ Phước) (ONT:0,09ha; CLN:50,00ha; RXS:72,55)	Mỹ Phước	50,09
14	Giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng kêu gọi đầu tư dự án nông nghiệp(NKH)+ nhà máy năng lượng mặt trời (PA sắp xếp LT Mỹ Phước)	Mỹ Phước	314,25
15	Đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô Trung tâm thương mại Long Hưng	TT.HHN, Long Hưng	0,20
16	Đấu giá quyền sử dụng đất đối với Trạm y tế thị trấn và Trường Tiểu học Long Hưng A	TT.HHN, Long Hưng	0,14
17	Trạm Y tế xã Hưng Phú	Hưng Phú	0,30
18	Đường Trung Tâm xã	Hưng Phú	0,60
19	Đường dẫn cầu Bún Tàu	Long Hưng	0,16
20	Đường giao thông đến trung tâm xã Mỹ Tú (đường huyện 86 đoạn đấu nối lộ kênh	Xã Mỹ Tú	0,17

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
	3 cảnh)		
21	Trường Tiểu học Phú Mỹ C	Phú Mỹ	0,60
22	Xử lý khu đất lung Béc Trang xã Long Hưng	Long Hưng	46,29
23	Xử lý khu đất 2 bên nhà lồng chợ Mỹ Hương và Khu ao	Mỹ Hương	0,23
24	Cty TNHH giầy da Mỹ Phong (Thuận Hưng)	Thuận Hưng	0,8
25	Đấu giá cho thuê đất khu đất UBND tỉnh thu hồi của Công ty Lâm Dũng, Lâm trường Phước Thọ	Mỹ Phước	101,05

*** Đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất ở.**

Kế hoạch sử dụng năm 2020 của huyện chuyển mục đích sử dụng đất ở theo kế hoạch năm 2020 là 12,78ha, thực hiện được **2,10ha đạt 16,43%**. Tỷ lệ đạt thấp nguyên nhân do trong năm qua gặp nhiều khó khăn như: dịch bệnh, hạn mặn đầu năm 2020 ảnh hưởng đến kinh tế và thu nhập của người dân.

*** Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 trong nội bộ đất nông nghiệp.**

Kế hoạch sử dụng năm 2020 của huyện chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp theo kế hoạch năm 2020 là 416,95ha, nhưng chỉ thực hiện được **5,5ha đạt 1,32%** kế hoạch trong đó:

+ Kế hoạch 2020 diện tích đất trồng lúa chuyển sang cây hàng năm 3,5ha, trong 2020 thực hiện được 2,5 ha đạt 71,43% kế hoạch.

+ Kế hoạch năm 2020 đất trồng cây hàng năm chuyển sang đất trồng cây lâu năm 9,0 ha thực hiện được 3,00 ha đạt 30% kế hoạch.

*** Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch thu hồi đất năm 2020.**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt thì phải thực hiện thu hồi đất 51,65 ha. Kết quả trong năm ước thực hiện thu hồi được 1,47ha đạt 2,85% kế hoạch.

2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất 2020

Công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Mỹ Tú được xây dựng trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các cấp, ngành, các nhà đầu tư và nhu cầu đăng ký của các xã – thị trấn.

Nhìn chung, kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện đã tổ chức thực hiện tương đối tốt, đảm bảo đúng các quy định pháp luật về đất đai; tuy nhiên các chỉ tiêu sử dụng đất đạt thấp, nguyên nhân do số công trình hoàn thành các thủ tục đất đai và

triển khai được ít, đặc biệt là việc chuyển đổi các diện tích lớn chưa được thực hiện, cụ thể như: Chuyển đổi diện tích đất trồng rừng sản xuất trên địa bàn xã Mỹ Phước và xã Long Hưng sang đất các đất nông nghiệp khác và đất năng lượng để thực hiện dự án kêu gọi đầu tư nhằm phát triển kinh tế - xã hội trên địa phương nhưng tính tới thời điểm hiện tại chưa thực được theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020.

Mặt khác khi xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2020, có một số hạng mục công trình vào đưa kế hoạch để dự phòng và kêu gọi đầu tư, dẫn đến kết quả nhiều hạng mục chưa được thực hiện do thiếu nguồn kinh phí hoặc chưa có nhà đầu tư xúc tiến vào danh mục dự án thu hút đầu tư.

3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện KHSDĐ 2020

- Nguyên nhân khách quan

+ Kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch giữa các ngành chưa đồng bộ, trong việc xác định địa điểm, quy mô diện tích trong quá trình thực hiện của một số ngành làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu sử dụng đất của kế hoạch.

+ Kế hoạch sử dụng đất còn có hạn chế nhất định do các thay đổi khách quan và nhu cầu sử dụng đất các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội cũng có nhiều phát sinh.

- Nguyên nhân chủ quan

+ Một số danh mục công trình dự án trong năm 2020 chưa được triển khai thực hiện do nguồn vốn Ngân sách hạn chế, ưu tiên tập trung đầu tư vào một số công trình cấp bách, trọng điểm do khó khăn chung của nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công. Dẫn đến các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp thấp so kế hoạch.

+ Còn hiện tượng tự chuyển mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp mà chưa đăng ký biến động tại địa phương.

+ Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất được tổng hợp từ quy hoạch các ngành, lĩnh vực (khi lập kế hoạch các ngành đưa nhiều các công trình dự án nhưng không có khả năng triển khai thực hiện). Do kết quả thực hiện các công trình của kế hoạch các ngành tác động đến chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất không đạt.

+ Vai trò quản lý có tác động đến việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất ở cả bước đăng ký và thực hiện kế hoạch. Do đó, khi các công trình, dự án chưa đảm bảo đủ các điều kiện ban đầu: đối với các dự án thuộc ngân sách nhà nước thì phải được ghi vốn hoặc trong kế hoạch vốn; đối với các dự án ngoài ngân sách thì phải được chấp thuận chủ trương.

+ Đối với các công trình, dự án công cộng chưa thực hiện được trong năm kế hoạch 2020 chủ yếu là các công trình giao thông như: Mở rộng Đường huyện

82 (xã Mỹ Phước); Đường Trung Tâm xã (Hưng Phú); Đường dẫn cầu Bún Tàu (Long Hưng); Đường giao thông đến trung tâm xã Mỹ Tú (đường huyện 86 đoạn đấu nối lộ kênh 3 cảnh); có nguyên nhân từ vốn và công tác bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất.

+ Việc thu hút đầu tư từ các tổ chức kinh tế vào đầu tư phát triển chợ ở xã Mỹ Thuận và Trung tâm thương mại thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa còn hạn chế do vị thế của huyện là vùng sâu. Phương án sắp xếp Lâm trường Mỹ Phước chưa hoàn thành và một số mô hình sản xuất nông nghiệp ở xã Long Hưng, xã Mỹ Phước chưa có nhà đầu tư vào nên dẫn đến chỉ tiêu đất nông nghiệp khác cũng chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021

1. Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2021

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng; Kế hoạch sử dụng đất năm 2017; Kế hoạch sử dụng đất năm 2018; Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được phê duyệt.

Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH huyện Mỹ Tú đến 2020; quy hoạch chung thị trấn Huỳnh Hữu nghĩa, quy hoạch thôn mới; nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và hiện trạng sử dụng đất năm 2020.

Căn cứ kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 và nhu cầu sử dụng đất năm 2021.

Căn cứ nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, các lĩnh vực, UBND huyện lập kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Mỹ Tú được thể hiện như sau:

Bảng 7: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2021 của huyện Mỹ Tú

(Đơn vị tính: ha)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2020 (*)	Diện tích KHSDĐ năm 2021	Chỉ tiêu thực hiện (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
						TT. H Hữu Nghĩa	Xã Mỹ Tú	Xã Mỹ Hương	Xã Mỹ Phước	Xã Mỹ Thuận	Xã Hưng phú	Xã Long Hưng	Xã Phú Mỹ	Xã Thuận Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(7)+…+(15)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	TỔNG DT TỰ NHIÊN		**36.845,06**	**36.845,06**		**1.142,65**	**4.224,32**	**2.657,36**	**9.735,97**	**3.296,06**	**4.000,28**	**3.971,48**	**4.135,28**	**3.681,67**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**33.477,14**	**33.369,30**	**-107,84**	**929,89**	**3.795,84**	**2.417,27**	**9.064,13**	**2.853,10**	**3.562,96**	**3.615,02**	**3.814,28**	**3.316,82**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	22.557,53	22.493,43	-64,10	718,71	3.015,33	2.081,06	5.512,19	2.110,88	1.142,64	1.569,64	3.395,45	2.947,54
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*22.557,53*	*22.493,43*	*-64,10*	*718,71*	*3.015,33*	*2.081,06*	*5.512,19*	*2.110,88*	*1.142,64*	*1.569,64*	*3.395,45*	*2.947,54*
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.612,25	1.560,79	-51,46	27,12	120,55	2,87	138,49	226,26	137,63	793,90	97,17	16,81
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6.363,99	6.379,89	15,90	184,06	596,45	331,68	791,78	299,12	2.271,58	1.234,45	319,56	351,20
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH												
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	269,60	269,60					269,60					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.425,07	2.073,73	-351,34				2.010,54	50,19	3,00	10,00		
1.7	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	241,97	241,97			63,02	1,66	9,28	162,95	2,25	2,82		
1.8	Đất làm muối	LMU												
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	6,74	349,90	343,16		0,50		332,25	3,70	5,87	4,21	2,11	1,26
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**3.367,92**	**3.475,76**	**107,84**	**212,76**	**428,48**	**240,09**	**671,85**	**442,96**	**437,31**	**356,46**	**321,00**	**364,85**
2.1	Đất quốc phòng	CQP	105,78	102,15	-3,63	4,96			48,84	45,38				2,96
2.2	Đất an ninh	CAN	1,73	1,73		1,73								
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK												
2.4	Đất khu chế xuất	SKT												
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN												
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,11	9,11	3,00	0,99	1,36	1,19		0,14	5,14	0,12		0,17
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông	SKC	3,64	8,08	4,44	0,08	0,64	0,94	1,52	0,71	1,14	2,14	0,11	0,80

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2020 (*)	Diện tích KHSDĐ năm 2021	Chỉ tiêu thực hiện (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
						TT. H Hữu Nghĩa	Xã Mỹ Tú	Xã Mỹ Hương	Xã Mỹ Phước	Xã Mỹ Thuận	Xã Hưng phú	Xã Long Hưng	Xã Phú Mỹ	Xã Thuận Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(7)+…+(15)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	nghiệp													
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS												
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.773,10	1.860,71	87,61	118,21	164,89	133,33	385,21	226,42	254,38	218,62	167,52	192,13
2.9.1	*Đất giao thông*	*DGT*	*503,32*	*522,42*	*19,10*	71,70	69,78	37,44	75,92	55,59	74,45	62,77	29,50	45,28
2.9.2	*Đất thuỷ lợi*	*DTL*	*1.225,77*	*1.264,33*	*38,56*	*38,64*	*91,19*	*90,54*	*304,29*	*166,61*	*175,09*	*122,64*	*134,62*	*140,71*
2.9.3	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*	*1,36*	*29,22*	*27,86*	*0,09*		*1,27*				*27,75*	*0,11*	
2.9.4	*Đất công trình bưu chính VT*	*DBV*	*0,45*	*0,45*		*0,11*	*0,09*	*0,08*	*0,12*	*0,02*		*0,01*		*0,02*
2.9.5	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*DVH*	*1,06*	*1,41*	*0,35*	*1,06*	*0,20*		*0,15*					*0,01*
2.9.6	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*	*3,04*	*3,34*	*0,30*	*1,81*	*0,09*	*0,13*	*0,23*	*0,13*	*0,47*	*0,07*	*0,10*	*0,31*
2.9.7	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo*	*DGD*	*27,78*	*29,21*	*1,43*	*3,22*	*2,46*	*3,64*	*3,45*	*3,60*	*3,49*	*3,03*	*3,15*	*3,17*
2.9.8	*Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao*	*DTT*	*5,81*	*5,81*		*1,06*	*1,08*		*0,97*			*1,17*		*1,54*
2.9.9	*Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ*	*DKH*												
2.9.10	*Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội*	*DXH*												
2.9.11	*Đất chợ*	*DCH*	*4,48*	*4,49*	*0,01*	*0,53*		*0,23*	*0,08*	*0,45*	*0,88*	*1,18*	*0,04*	*1,09*
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	21,88	21,88					21,88					
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL												
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	26,83	26,83			0,18	0,08				0,70	25,87	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2020 (*)	Diện tích KHSDĐ năm 2021	Chỉ tiêu thực hiện (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
						TT. H Hữu Nghĩa	Xã Mỹ Tú	Xã Mỹ Hương	Xã Mỹ Phước	Xã Mỹ Thuận	Xã Hưng phú	Xã Long Hưng	Xã Phú Mỹ	Xã Thuận Hưng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(7)+…+(15)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	558,35	562,71	4,36		60,93	38,42	98,84	43,33	125,60	61,07	69,85	64,68
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	33,79	42,81	9,02	42,81								
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,69	13,23	0,54	6,70	0,42	0,91	0,54	0,14	1,15	0,76	1,37	1,26
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,83	1,83		0,21	0,19	0,12	0,15	0,58	0,27	0,30		
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG												
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	29,51	29,51		0,42	0,84	0,05	4,00	3,85	5,29	1,45	9,64	3,97
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	33,00	33,00		0,63	3,58	8,95	4,52	2,23	2,99	5,18	1,39	3,54
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX												
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,34	2,34		0,07	0,26	0,20	0,88	0,05	0,06	0,37	0,45	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,12	2,62	2,50	2,62								
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	6,50	6,50		0,73	0,65	0,38	0,89	1,09	1,11	0,72		0,93
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	750,72	750,72		32,56	194,54	55,51	104,59	119,04	40,18	65,03	44,83	94,43
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC												
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK												
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**												

** Diện tích tự nhiên năm 2020 được tổng hợp theo số liệu KK2019 và chu chuyển các công trình thực hiện được trong năm 2020;*

2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

**** Khu vực kinh tế nông nghiệp***

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng "Nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững" gắn với xây dựng nông thôn mới; Thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp từ quy hoạch đến tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án,... được đầu tư trên địa bàn phục vụ cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng và mở rộng các mô hình sản xuất hiệu quả (Cánh đồng lớn và sản xuất tập trung, sử dụng giống lúa cấp xác nhận, lúa chất lượng cao); Tăng cường chuyển giao, ứng dụng các thành tựu, công nghệ sinh học và thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp.

Nâng cao hiệu quả diện tích màu chuyên canh, màu dưới chân ruộng mang tính cạnh tranh cao, khuyến khích nông dân tận dụng diện tích bờ bao trồng các loại màu có giá trị kinh tế. Thực hiện tốt các biện pháp phòng trừ dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

Tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần tham gia đều được hưởng lợi, nhất là nông dân. Phát triển và nâng cao hiệu quả mô hình kinh tế hợp tác; Trước hết, tập trung nâng cao hiệu quả mối liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp thông qua hợp đồng tiêu thụ hàng hóa nông sản.

Diện tích đất nông nghiệp kế hoạch đến năm 2021 đạt 33.432,59 ha, chiếm 90,74% tổng diện tích tự nhiên giảm 45,25ha so với hiện trạng năm 2020.

**** Khu vực kinh tế dịch vụ thương mại***

Mạng lưới thương mại dịch vụ tiếp tục mở rộng số lượng quy mô và ngành nghề hoạt động, đưa hàng hóa phục vụ người tiêu dùng đến tận vùng nông thôn. Mạng lưới chợ tiếp tục được xây dựng cải tạo nâng cấp gắn với mục tiêu chỉnh trang, phát triển đô thị, đáp ứng được nhu cầu trao đổi, mua bán nông sản hàng hóa của người dân.

**** Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội***

- Hệ thống giao thông: Đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông liên xã, huyện, chỉnh trang các tuyến giao thông giải quyết nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa phục vụ chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Đến năm 2021 huyện thực hiện một số công trình cụ thể như: Lộ đal phía Bắc quản lộ Nhu Gia, Đường chùa Đai Ta Suốt - bãi rác tỉnh, Đường lộ dal Phú Tức - Bưng Cóc, Đường N4, Đường N5,…

- Thuỷ lợi: Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi, làm mới bổ sung hệ thống kênh rạch. Cải tạo, nạo vét hệ thống sông, ngòi, kênh, rạch đảm bảo giao thông

đường thủy thuận tiện, nước tưới, chống mặn hợp lý. Dự án xây dựng đê bao chống ngập úng vùng trũng huyện Mỹ Tú.

- Tập trung đẩy mạnh công tác giáo dục - đào tạo, đặc biệt chú trọng đến việc hình thành một cơ cấu đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển của huyện cũng như toàn tỉnh. Đầu tư xây dựng một số điểm trường, trụ sở cơ quan, mở rộng khu trung tâm thương mại thị trấn giai đoạn II...

*** Lĩnh vực năng lượng**

Trong năm 2021 nhu cầu sử dụng đất trong lĩnh vực năng lượng của huyện Mỹ Tú được đăng ký trong các dự án điện năng lượng mặt trời.

2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết

Năm 2020 phần lớn các chỉ tiêu của kế hoạch sử dụng đất chưa thực hiện hết do nhiều yếu tố chủ quan, khách quan, trong năm 2021 các chỉ tiêu xét thấy vẫn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của huyện, do đó được chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của các công trình, dự án cơ sở và tầng và phúc lợi xã hội. Đối với diện tích chuyển mục đích đất ở đã được kiểm tra xác định theo các tuyến giao thông và tại các vị trí có khả năng phát triển dân cư. Đối với chuyển mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp có căn cứ theo kết quả chuyển được trong năm 2020 để cân đối cho phù hợp.

2.2 Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

Trong năm 2021 nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn các xã thị trấn đăng ký là 4,94ha (gồm: đất ở đô thị là 1,7ha và đất ở nông thôn là 3,24ha). So với kết quả thực hiện được trong năm kế hoạch 2020 là 2,1ha.

Đối với quy hoạch các công trình, dự án của các ngành, trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 căn cứ vào định mức sử dụng đất của các ngành theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao. Trong đó:

- Nhà văn hóa ấp bố trí mới phải đảm bảo từ 200 – 500m^2; Trung tâm văn hóa cấp xã dưới 5.000 dân là 500 – 1.000m^2/ cơ sở; Trung tâm văn hóa cấp xã trên 5.000 dân là 1.000 – 3.000m^2; Cơ sở văn hóa cấp xã đảm bảo 0,28 – 0,25m^2/ người;

- Trạm y tế cấp xã đảm bảo từ 500 – 2.000m^2;

- Trường mầm non cấp xã dưới 5.000 dân là 2.000 - < 3.000m^2; từ 5.000 – 10.000 dân là 3.000 - < 5.000m^2 và trên 10.000 dân là 5.000 - 7.000m^2;

- Trường tiểu học cấp xã dưới 5.000 dân là 2.000 - < 3.500m^2; từ 5.000 – 10.000 dân là 3.500 - < 7.500m^2 và trên 10.000 dân là 7.500 - 10.000m^2;

- Trường trung học cơ sở cấp xã dưới 5.000 dân là 2.000 - < 3.500m^2; từ 5.000 – 10.000 dân là 3.500 - < 7.500m^2 và trên 10.000 dân là 7.500 - 10.000m^2;

- Cơ sở thể dục thể thao cấp xã là 5.000 – 6.000m^2/ cơ sở.

Căn cứ theo định mức sử dụng đất trên, KHSDĐ năm 2021 huyện Mỹ Tú đã được xây dựng giữa cân đối theo định mức và nguồn vốn, khả năng triển khai thực hiện, để xác định những công trình, dự án có vai trò thiết thực đưa vào kế hoạch. Một số chỉ tiêu trong kế hoạch 2021:

- Nhà văn hóa + Sinh hoạt cộng đồng ấp Mỹ Thạnh: 2.000m^2 (đảm bảo định mức);

- Sinh hoạt cộng đồng ấp Phước Lợi A, Phước Thới B, Phước Thọ C: 1.500m^2, bình quân 500m^2/ công trình (đảm bảo định mức);

- Trạm y tế các xã, đã được bố trí xây dựng trong các năm trước đây, nhỏ nhất là trạm y tế xã Long Hưng 700m^2 (đều đảm bảo định mức);

- Các trường tiểu học xây mới trong năm kế hoạch 2021 đều đảm bảo định mức; riêng trường mẫu giáo Mỹ Tú (điểm ấp Mỹ Hòa), do đây là điểm ấp.

3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

*** Đất nông nghiệp:**

Hiện trạng đất nông nghiệp năm 2020 là 33.477,14ha, đến năm 2021 diện tích nhóm đất nông nghiệp của huyện là 33.369,30ha, giảm 107,84ha so với hiện trạng năm 2020. Diễn giải cụ thể như sau:

+ Chu chuyển giảm 107,84ha, do chu chuyển sang các loại đất như đất thương mại dịch vụ 2,39ha; đất sản xuất phi nông nghiệp 3,50ha; đất phát triển cơ sở hạ tầng 87,05ha; đất ở nông thôn 6,24ha, đất ở đô thị 5,55ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,61ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 2,50ha.

+ Chu chuyển tăng 0,00ha.

+ Cân đối tăng (giảm): giảm 107,84ha.

- Đất trồng lúa: Trong đó 100% là đất chuyên trồng lúa nước.

+ Hiện trạng đất trồng lúa là 22.557,53ha.

+ Chu chuyển tăng: 12,90ha; do đất trồng cây hằng năm khác chuyển sang 9,90ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 3,00ha.

+ Chu chuyển giảm: 77,00ha, do chuyển sang đất trồng cây hằng năm 12,20ha; đất trồng cây lâu năm 4,08ha; đất nông nghiệp khác 24,43ha; đất sản xuất kinh doanh 1,50ha; chuyển sang đất phát triển hạ tầng 25,02ha; đất ở tại nông thôn

2,21ha; ở đô thị 4,45ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,61ha; đất khu vui chơi giải trí 2,50ha.

+ Cân đối tăng (giảm): Giảm 64,10ha.

+ Đất trồng lúa đến năm 2021 của huyện Mỹ Tú là 22.493,43ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác:

+ Hiện trạng đất trồng cây hàng năm khác: 1.612,25ha.

+ Chu chuyển tăng: 12,20ha; do đất trồng lúa chuyển sang 12,20ha.

+ Chu chuyển giảm: 63,66ha do chuyển sang đất trồng lúa 9,90ha; đất trồng cây lâu năm 10,90ha; đất rừng sản xuất 5,00ha, đất sản xuất kinh phi nông nghiệp 1,00ha; đất hạ tầng 33,98ha; đất ở nông thôn 2,18ha; đất ở đô thị 0,70ha.

+ Cân đối tăng (giảm): Giảm 51,46ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác đến năm 2021 của huyện Mỹ Tú là 1.560,79ha.

- Đất trồng cây lâu năm:

+ Hiện trạng đất trồng cây lâu năm: 6.363,99ha.

+ Chu chuyển tăng: 64,98ha do chuyển từ đất trồng lúa 3,0ha; Trồng cây hàng năm khác 10,90ha, Rừng sản xuất 50,0ha.

+ Chu chuyển giảm: 49,08ha do chuyển sang đất trồng lúa 4,08ha; đất rừng sản xuất 8,00ha; nông nghiệp khác 4,48ha; đất thương mại dịch vụ 2,39ha, đất sản xuất kinh phi nông nghiệp 1,00ha; đất hạ tầng 28,05ha; đất ở nông thôn 1,76ha; đất ở đô thị 0,40ha.

+ Cân đối tăng (giảm): Tăng 15,90ha.

+ Đất trồng cây cây lâu năm đến năm 2021 của huyện Mỹ Tú là 6.379,89ha.

- Đất rừng đặc dụng:

+ Hiện trạng đất rừng đặc dụng: 269,60ha.

+ Cân đối tăng (giảm): 0,00ha.

+ Kế hoạch đến năm 2021 của huyện 269,60ha .

- Đất rừng sản xuất:

+ Hiện trạng đất rừng sản xuất: 2.425,07ha.

+ Chu chuyển tăng: 13,00ha chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 5,00ha; đất cây lâu năm 8,00ha.

+ Chu chuyển giảm 364,34ha do chuyển sang đất cây lâu năm 50,00ha;

nông nghiệp khác 314,25ha; đất ở nông thôn 0,09 ha.

+ Cân đối tăng (giảm): Giảm 351,34ha.

+ Kế hoạch đến năm 2021 của huyện có 2.073,73ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản:

+ Hiện trạng đất nuôi trồng thủy sản: 241,97ha. Trong năm kế hoạch không có biến động.

- Đất nông nghiệp khác:

+ Hiện trạng đất nông nghiệp khác: 6,74ha.

+ Chu chuyển tăng: 343,16ha từ đất trồng lúa 24,43ha, đất cây lâu năm 4,48ha, đất rừng sản xuất 314,25ha.

+ Chu chuyển giảm: 0,00ha.

+ Cân đối tăng (giảm): Tăng 343,16ha.

+ Kế hoạch đến năm 2021 của huyện 349,90ha.

Đất nông nghiệp khác tăng chủ yếu do kế hoạch kêu gọi đầu tư ở xã Mỹ Phước và mở rộng trang trại chăn nuôi hiện có trên địa bàn xã Hưng Phú, nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân ở xã Mỹ Tú, xã Thuận Hưng.

*** Đất phi nông nghiệp**:

+ Hiện trạng nhóm đất phi nông nghiệp là 3.367,92ha.

+ Chu chuyển tăng: 107,84ha. Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp tăng chủ yếu lấy từ các loại đất: Đất trồng lúa 36,29ha, đất trồng cây hàng năm khác 37,86ha, đất trồng cây lâu năm 33,60ha, đất rừng sản xuất 0,09ha.

+ Chu chuyển giảm: 0,00ha.

+ Cân đối tăng (giảm): Tăng 107,84ha.

+ Kế hoạch đến năm 2021 toàn huyện là 3.475,76ha.

Trong đó:

- Đất quốc phòng: Hiện trạng 105,78ha.

+ Chu chuyển tăng: 0,00ha.

+ Chu chuyển giảm: 3,63ha, do chuyển sang đất ở 3,63ha (khu đất QP cũ giao UB quản lý KH vào dự án nhà ở thương mại TT Huỳnh Hữu Nghĩa).

+ Cân đối tăng (giảm): giảm 3,63ha.

+ Kế hoạch đến năm 2021 của huyện có 102,15ha.

- Đất an ninh: Kế hoạch năm 2021 không thực hiện chu chuyển, giữ nguyên hiện trạng là 1,73ha.

- Đất thương mại, dịch vụ:

+ Hiện trạng là 6,11ha. Kế hoạch đến năm 2021 của huyện có 9,11ha.

+ Chu chuyển tăng: 3,00ha. Chu chuyển giảm: 0,00ha.

+ Cân đối tăng (giảm): Tăng 3,00ha.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

+ Hiện trạng: 3,64ha. Kế hoạch đến năm 2021 huyện có 8,08ha.

+ Chu chuyển tăng: 4,44ha do chuyển từ đất trồng lúa 1,50ha; chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 1,00ha; chuyển từ đất trồng cây lâu năm 1,00ha; chuyển từ đất thủy lợi 0,8ha; chuyển từ đất ở nông thôn 0,14ha. Chu chuyển giảm: 0,0ha.

+ Cân đối tăng (giảm): Tăng 4,44ha.

- Đất phát triển hạ tầng:

+ Hiện trạng: 1.773,10ha. Kế hoạch đến năm 2021 có 1.860,71ha.

+ Chu chuyển tăng 88,53ha so với năm 2020. Chu chuyển giảm 0,92 ha.

+ Cân đối tăng (giảm): tăng 87,61ha.

Trong đó:

+ Đất giao thông: Hiện trạng 503,32ha. Kế hoạch năm 2021 là 522,42ha. Chu chuyển tăng 19,14ha. Chu chuyển giảm 0,04ha. Cân đối: tăng 19,10ha.

+ Đất thuỷ lợi: Hiện trạng 1.225,77ha. Kế hoạch năm 2021 là 1.264,33ha. Chu chuyển tăng 39,48ha. Chu chuyển giảm 0,92ha. Cân đối: tăng 38,56ha.

+ Đất công trình năng lượng: Hiện trạng 1,36ha. Kế hoạch năm 2021 là 29,22ha. Chu chuyển tăng 27,86ha. Chu chuyển giảm 0,0ha. Cân đối: tăng 27,86ha.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Hiện trạng 1,06ha. Kế hoạch năm 2021 là 1,41ha. Chu chuyển tăng 0,35ha. Chu chuyển giảm 0,0ha. Cân đối: tăng 0,35ha.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Hiện trạng 3,04ha. Kế hoạch năm 2021 là 3,34ha. Chu chuyển tăng 0,30ha. Chu chuyển giảm 0,0ha. Cân đối: tăng 0,30ha.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục-đào tạo: Hiện trạng 27,78ha. Kế hoạch năm 2021 là 29,21ha. Chu chuyển tăng 1,74ha. Chu chuyển giảm 0,31ha. Cân đối: tăng 1,43ha.

+ Đất chợ: Hiện trạng 4,48ha. Kế hoạch năm 2021 là 4,49ha. Chu chuyển tăng 0,10ha. Chu chuyển giảm 0,09ha. Cân đối: tăng 0,01ha.

Bảng 8: Danh mục đất phát triển hạ tầng

(Theo quy định các mục đất hạ tầng trong Thông tư 29/TT-BTNMT)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
I	**Đất giao thông**		
1	Đường dẫn Cầu Mai Văn Thời	Mỹ Tú	0,03
2	Đường lộ dal Phú Tức - Bưng Cóc	Phú Mỹ	0,09
3	Nâng cấp Đường A1 (đoạn 939 qua thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa)	TT.HHN, Mỹ Hương	2,63
4	Cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 938 (đoạn từ đường tỉnh 939 đến đường tỉnh 940)	Thuận Hưng, Mỹ Thuận	17,96
5	Đường Trung Tâm xã	Hưng Phú	0,65
6	Đường giao thông đến trung tâm xã Mỹ Tú (đường huyện 86 đoạn đấu nối lộ kênh 3 Cảnh)	Mỹ Tú	0,17
7	Mở rộng đường huyện 82 Xã Mỹ Phước	Mỹ Phước	3,00
8	Đường dẫn cầu Bún Tàu	Long Hưng	0,16
9	Lộ đal phía Bắc quản lộ Nhu Gia	Mỹ Phước	5,85
10	Đường chùa Đai Ta Suốt - bãi rác tỉnh	Phú Mỹ	0,63
II	**Đất thủy lợi**		
1	Dự án xây dựng đê bao chống ngập úng vùng trũng huyện Mỹ Tú (*)	Mỹ Phước, Mỹ Tú, Long Hưng, Hưng Phú	39,48
III	**Đất công trình năng lượng**		
1	Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao kết hợp điện mặt trời (*)	Xã Long Hưng	18,60
2	Cụm năng lượng mặt trời	Xã Long Hưng	9,00
3	Đường dây đấu nối nhà máy điện gió số 16 Sóc Trăng Envision	Xã Phú Mỹ	0,11
IV	**Đất công trình bưu chính, viễn thông**		
V	**Đất xây dựng công trình văn hóa**		
1	Nhà văn hóa ấp Mỹ Thạnh	Mỹ Tú	0,20
2	Nhà văn hóa ấp Phước Lợi A, Phước Thới B, Phước Thọ C	Mỹ Phước	0,15
VI	**Đất y tế**		
1	Trạm y tế xã Hưng Phú	Hưng Phú	0,3
VII	**Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo**		
1	Mở rộng trường tiểu học Long Hưng A	Long Hưng	0,10
2	Trường tiểu học Mỹ Thuận B (vị trí trường tiểu học Mỹ Thuận A và thu hồi thêm 2.500m^2)	Mỹ Thuận	0,63

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
3	Trường Tiểu học Phú Mỹ C	Phú Mỹ	0,60
4	Trường mẫu giáo Mỹ Tú (điểm ấp Mỹ Hòa)	Mỹ Tú	0,13
5	Trường tiểu học Mỹ Thuận C	Mỹ Thuận	0,44
6	Trường Tiểu học Mỹ Tú A	Mỹ Tú	0,5
VIII	**Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao**		
IX	**Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ**		
X	**Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội**		
XI	**Đất chợ**		
1	Chợ Mỹ Hương	Mỹ Hương	0,27

(*) Không thu hồi đất

- Đất di tích lịch sử văn hóa: Trong năm kế hoạch 2021 không thực hiện chu chuyển. Cân đối giữ nguyên hiện trạng so với năm 2020 là 21,88 ha.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Kế hoạch năm 2021 không thực hiện chu chuyển. Cân đối giữ nguyên hiện trạng so với năm 2020 là 26,83ha.

- Đất ở nông thôn:

+ Hiện trạng: 558,35ha;

+ Chu chuyển tăng: 6,36ha do chuyển từ đất trồng lúa 2,21ha; chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 2,18ha, đất trồng cây lâu năm 1,76ha; chuyển từ đất rừng sản xuất 0,09ha; đất thủy lợi 0,12ha.

+ Chu chuyển giảm: 2,00ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,61ha, đất sản xuất kinh doanh 0,14ha và đất phát triển hạ tầng 1,12ha, trụ sở cơ quan 0,04ha.

+ Cân đối tăng (giảm): tăng 4,36ha.

+ Diện tích cuối kỳ năm 2021 là 562,71ha.

- Đất ở đô thị:

+ Hiện trạng: 33,79ha;

+ Chu chuyển tăng 9,18ha được lấy từ đất trồng lúa 4,45ha, cây hàng năm khác 0,70ha; đất trồng cây lâu năm 0,40 ha, quốc phòng 3,63ha.

+ Chu chuyển giảm: 0,16ha, do chuyển sang đất hạ tầng 0,16ha.

+ Cân đối tăng (giảm): tăng 9,02ha.

+ Diện tích cuối kỳ 42,81ha.

Diện tích đất ở đô thị tăng do khu dân cư quy hoạch và cho phép người sử dụng đất được chuyển mục đích sang đất ở khi tách hộ hoặc có nhu cầu về xây

dựng nhà ở tại các tuyến lộ, kênh.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Hiện trạng là 12,69ha, kế hoạch 2021 có 13,23ha,

+ Chu chuyển tăng 0,65ha được lấy từ đất trồng lúa 0,61ha, đất ở đô thị 0,04ha.

+ Chu chuyển giảm: giảm 0,11ha do chuyển sang đất đất hạ tầng 0,11ha

+ Cân đối tăng (giảm): tăng 0,54ha.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:

Kế hoạch năm 2021 không thực hiện chu chuyển, giữ ổn định như hiện trạng có 1,83ha.

- Đất cơ sở tôn giáo: Kế hoạch năm 2021 không thực hiện chu chuyển, giữ ổn định như hiện trạng 29,51 ha.

- Đất nghĩa trang nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Kế hoạch năm 2021 không thực hiện chu chuyển, giữ nguyên hiện trạng là 33,00 ha

- Đất sinh hoạt cộng đồng năm 2021 có 2,34ha ổn định.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:

+ Hiện trạng là 0,12ha, kế hoạch 2021 có 2,62ha,

+ Chu chuyển tăng 2,50ha, được lấy từ đất trồng lúa 2,50ha.

+ Chu chuyển giảm: 0,00ha.

+ Cân đối tăng (giảm): tăng 2,50ha.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Hiện trạng là 6,50ha giữ ổn định

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Kế hoạch năm 2021 không thực hiện chu chuyển, giữ nguyên hiện trạng là 750,72ha.

4. Diện tích các loại đất chuyển mục đích sử dụng năm 2021

Để sử dụng đất có hiệu quả, đúng quy định pháp luật và đạt các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cần phải chuyển mục đích sử dụng đất cụ thể như sau: *(Chi tiết theo xã – thị trấn trong biểu 7/CH phụ lục)*

Bảng 9: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch 2021

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**107,84**
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	36,29
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	37,86

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	33,60
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	0,09
1.7	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS/PNN	
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**		**449,87**
	Trong đó:		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác	LUA/HNK	12,20
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	4,08
2.3	Đất trồng cây hàng năm chuyển sang đất trồng cây lâu năm	HNK/CLN	10,90
2.4	Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất trồng cây lâu năm	NTS/CLN	
2.5	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	
2.6	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	
2.7	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	
2.8	Đất trồngcây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	
2.9	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUA/NKH	
2.10	Đất trồng cây hàng năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	HNK/NKH	24,43
2.11	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	CLN/NKH	4,48
2.12	Đất trồngcây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	
2.13	Đất nuôi trồng thủy sản sang đất lúa	NTS/LUA	
2.14	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất trồng lúa	HNK/LUA	9,90
2.15	Đất trồng cây hằng năm khác chuyển sang đất trồng rừng sản xuất	HNK/RSX	5,00
2.16	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất trồng rừng sản xuất	CLN/RSX	8,00
2.17	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất trồng lúa	CLN/LUA	3,00
2.18	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR[(a)]	
2.19	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR[(a)]	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
2.20	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng (cây lâu năm 50 ha, nông nghiệp khác 314,25)	RSX/NKR[(a)]	364,25
3	**Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở**	**PKO/OCT**	**0,13**

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp: là 107,84ha trong đó:

- Chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp: là 449,87ha trong đó:

- Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất từ nông nghiệp sang đất ở của hộ gia đình cá nhân ở đô thị: là 1,70ha;

- Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất từ nông nghiệp sang đất ở của hộ gia đình cá nhân ở nông thôn: là 3,24ha.

- Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: là 0,13ha, cho các cơ sở sản xuất có nhu cầu chuyển sang đất ở.

5. Diện tích đất thu hồi trong năm 2021

Trong năm 2021 cần thu hồi 14,44ha đất các loại để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện. *Cụ thể xem chi tiết biểu 08/CH phụ lục.*

- Đất nông nghiệp cần thu hồi: 13,34ha. Trong đó:

- Đất phi nông nghiệp kế hoạch năm 2021 cần thu hồi: 1,10ha, cụ thể bảng sau:

Bảng 10: Diện tích đất thu hồi trong năm kế hoạch 2021

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**13,34**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	7,13
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	7,13
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2,01
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4,20
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	
1.7	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**1,10**
2.1	Đất quốc phòng	CQP	
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	

2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	
2.9.1	*Đất giao thông*	*DGT*	
2.9.2	*Đất thuỷ lợi*	*DTL*	
2.9.3	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*	
2.9.4	*Đất công trình bưu chính VT*	*DBV*	
2.9.5	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*DVH*	
2.9.6	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*	
2.9.7	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo*	*DGD*	
2.9.8	*Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao*	*DTT*	
2.9.9	*Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ*	*DKH*	
2.9.10	*Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội*	*DXH*	
2.9.11	*Đất chợ*	*DCH*	
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,97
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,13
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

Ghi chú: Chi tiết theo xã – thị trấn trong biểu 8/CH (phụ lục)

6. Diện tích đất chưa đưa vào sử dụng:

Huyện Mỹ Tú không còn diện tích đất chưa đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch 2021.

7. Danh mục các công trình dự án trong năm kế hoạch:

Theo Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 7/12/2018, Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 10/5/2019, Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 10/72019, Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 0/12/2019, Nghị quyết số 25/HĐND ngày 7/7/2020 và các công trình, dự án chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2020.

(Chi tiết biểu 10/CH)

Bảng 11: Danh mục các công trình, dự án quy định tại Điều 62 của Luật đất đai năm 2013

STT	Hạng mục	DT quy hoạch (ha)	DT hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Ghi chú
				DT (ha)	Sử dụng vào loại đất		
I	**Các công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp Tỉnh chấp thuận**						
I.1	***Danh mục công trình, dự án đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 (Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)***						
I.1.1	***Các công trình, dự án phải thu hồi đất***						
1	Đường dẫn Cầu Mai Văn Thời	0,03		0,03	CLN	Xã Mỹ Tú	NQ 153
2	Dự án xây dựng lộ Phú Tức - Bưng Cóc, Mỹ Tú	0,90		0,90	LUC	Xã Phú Mỹ	NQ 153
3	Mở rộng trường tiểu học Long Hưng A	0,10		0,10	0,03 (CLN) 0,07 (ONT)	Xã Long Hưng	NQ 153
4	Trường tiểu học Mỹ Thuận B (vị trí trường tiểu học Mỹ Thuận A và thu hồi thêm 2500m^2)	0,63	0,38	0,25	0,25 (LUC)	Xã Mỹ Thuận	NQ 153
5	Nâng cấp Đường A1 (đoạn 939 qua thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa)	2,78	0,98	1,80	1,10 (LUC) 0,30 (CLN) 0,18 (HNK) 0,09 (ONT) 0,13 (ODT)	TT.HHN, xã Mỹ Hương	NQ 153
6	Trụ Sở UBND thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	0,41	0,30	0,11	0,11 (LUC)	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	NQ 153
7	Trụ Sở UBND xã Mỹ Hương	0,65		0,65	0,61 (LUC) 0,04 (ONT)	Xã Mỹ Hương	NQ 153
8	Cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 938 (đoạn từ đường tỉnh 939 đến đường tỉnh 940)	14,00		14,00	2,20 (LUC) 7,90 (CLN) 3,78 (HNK) 0,12 (ONT)	Xã Thuận Hưng, xã Mỹ Thuận	NQ 153
9	Chi cục thi hành án	0,13		0,13	0,13 (LUC)	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	UBND huyện sẽ bổ sung văn bản và kiến nghị cấp tỉnh đưa vào Nghị quyết HĐND tỉnh bổ sung trong kỳ họp tháng 7/2021
10	Trường Tiểu học Mỹ Tú A	0,5		0,5	0,5 (LUC)	Xã Mỹ Tú	UBND huyện sẽ bổ sung văn bản và kiến nghị cấp tỉnh đưa vào Nghị quyết HĐND tỉnh bổ sung trong kỳ họp tháng 7/2021
11	Đường dây đấu nối nhà máy điện gió số 16 Sóc Trăng Envision	0,11		0,11	0,11 (LUC)	Xã Phú Mỹ	NQ 153

STT	Hạng mục	DT quy hoạch (ha)	DT hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Ghi chú
				DT (ha)	Sử dụng vào loại đất		
I.1.2	***Các công trình, dự án chuyển mục đích SD đất***						
1	Cụm năng lượng mặt trời	9,00		9,00	LUC	Xã Long Hưng	NQ 153
2	Đất trang trại chăn nuôi	3,70		3,70	2,43 (LUC) 1,27 (CLN)	Xã Mỹ Thuận	NQ 153 (có CMĐ sử dụng đất trồng lúa)
I.2	***Danh mục công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm trước***						
1	Nhà văn hóa ấp Mỹ Thạnh	0,20		0,20	0,16 (LUC) 0,04 (ONT)	Xã Mỹ Tú	Chuyển tiếp từ KH năm 2020. Trong KH2020 là 0,42ha, thực hiện được 0,06ha; còn lại ấp Mỹ Thạnh (xã Mỹ Tú), ấp Phước Lợi A, Phước Thới B và Phước Thọ C (xã Mỹ Phước)
2	Nhà văn hóa ấp Phước Lợi A, Phước Thới B, Phước Thọ C	0,15		0,15	0,15 (CLN)	Xã Mỹ Phước	
3	Giao đất cho hộ ND nghèo không đất là 122,64 (PA sắp xếp LT Mỹ Phước) (ONT:0,09ha; CLN:50,00ha; RXS:72,55)	122,64	72,55	50,09	50,09 (RSX)	Xã Mỹ Phước	Chuyển tiếp từ KH năm 2018 *(Tỉnh quản lý, sẽ cập nhật khi có chủ trương mới)*
4	Trường Tiểu học Phú Mỹ C	0,60		0,60	0,60 (LUC)	Xã Phú Mỹ	Nghị Quyết số 155/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 về sửa đổi bổ sung NQ số 27, 23, 48 và 25 *(tăng 0,1ha so với KHSDĐ 2020 là 0,5ha)*
5	Trường mẫu giáo Mỹ Tú (điểm ấp Mỹ Hòa)	0,13		0,13	0,13 (CLN)	Xã Mỹ Tú	Chuyển tiếp từ KH năm 2019
6	Trường tiểu học Mỹ Thuận C	0,44	0,01	0,43	0,27 (LUC) 0,16 (ONT)	Xã Mỹ Thuận	Chuyển tiếp từ KH năm 2019 (NQ số 27/NQ-HĐND)
7	Đường Trung Tâm xã (Hưng Phú)	0,60		0,60	0,5 (CLN) 0,1 (ONT)	Xã Hưng Phú	Chuyển tiếp từ KH năm 2020 (NQ số 48/NQ-HĐND)
8	Đường giao thông đến trung tâm xã Mỹ Tú (đường huyện 86 đoạn đấu nối lộ kênh 3 Cảnh)	0,17		0,17	0,09 (LUC) 0,08 (CLN)	Xã Mỹ Tú	Chuyển tiếp từ KH năm 2020 (NQ số 48/NQ-HĐND)
9	Mở rộng đường huyện 82 xã Mỹ Phước	3,0	2,81	0,19	0,01 (LUC) 0,04 (HNK) 0,06 (CLN) 0,08 (ONT)	Xã Mỹ Phước	Chuyển tiếp từ KH năm 2019

STT	Hạng mục	DT quy hoạch (ha)	DT hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Ghi chú
				DT (ha)	Sử dụng vào loại đất		
10	Đường dẫn cầu Bún Tàu	0,16		0,16	0,16 (ONT)	Xã Long Hưng	Chuyển tiếp từ KH năm 2018 *(Đã có nhà đầu tư, dự án UBND tỉnh Hậu Giang kêu gọi đầu tư)*
11	Trạm y tế xã Hưng Phú	0,30		0,30	0,07 (CLN)0,23 (DGD)	Xã Hưng Phú	Từ KH năm 2020
12	Nhà máy nước Liên xã Mỹ Tú - Mỹ Thuận	0,50			0,50 (LUC)	Xã Mỹ Tú	Chuyển tiếp từ KH năm 2019 (NQ số 27/NQ-HĐND)
13	Chi cục thuế	0,14		0,14	0,14 (CLN)	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	Chuyển tiếp từ KH năm 2016 (và có trong Điều chỉnh QHSDĐ 2016-2020)
14	Công viên Quảng trường	2,50		2,50	2,50 (LUC)	ấp Mỹ Tân Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	Chuyển tiếp từ KH năm 2015 (và có trong Điều chỉnh QHSDĐ 2016-2020);
II	**Các công trình, dự án không trình Hội đồng nhân dân cấp Tỉnh**						
II.1	***Danh mục công trình, dự án đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021***						
1	Lộ đal phía Bắc quản lộ Nhu Gia	5,85	5,81	0,04	0,04 (ONT)	Xã Mỹ Phước	
2	Đường chùa Đai Ta Suốt - bãi rác tỉnh	0,63		0,63	0,60 (LUC) 0,03 (ONT)	Xã Phú Mỹ	
3	Đất trang trại chăn nuôi	3,21		3,21	3,21 (CLN)	Xã Long Hưng	Không phải CMĐ SD từ đất lúa
4	Khu nông nghiệp công nghệ cao	18,00		18,00	18,00 (LUC)	Xã Mỹ Phước	Kêu gọi đầu tư (1296/QĐ-UBND ngày 9/5/2019 của UBND tỉnh)
5	Dự án Nhà ở thương mại Thị Trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	3,63		3,63	3,63 (CQP)	ấp Nội Ô, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú.	Kêu gọi đầu tư (1296/QĐ-UBND ngày 9/5/2019 của UBND tỉnh)
6	Khu du lịch sinh thái (homestay)	3,00		3,00	2,39 (CLN) 0,61 (ONT)	Xã Hưng Phú	Kêu gọi đầu tư (1296/QĐ-UBND ngày 9/5/2019 của UBND tỉnh)
7	Chợ Mỹ Hương	0,27	0,17	0,10	0,04 (DGT) 0,06 (ONT)	Xã Mỹ Hương	Kêu gọi đầu tư (2418/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của UBND tỉnh)

STT	Hạng mục	DT quy hoạch (ha)	DT hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Ghi chú
				DT (ha)	Sử dụng vào loại đất		
8	Nhà máy phát điện sử dụng chất thải rắn	5,00	5,00			Xã Phú Mỹ	Kêu gọi đầu tư (Báo cáo 427/BC-TCKH ngày 17/12/2020 của P.Tài chính huyện Mỹ Tú)
9	Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp (nguy hại và không nguy hại)	3,81	3,81			Xã Phú Mỹ	Kêu gọi đầu tư (Báo cáo 427/BC-TCKH ngày 17/12/2020 của P.Tài chính huyện Mỹ Tú)
10	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị	1,70		1,70	0,60 (LUC) 0,40 (CLN) 0,70 (HNK)	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	
11	Chuyển mục đích dọc các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện, liên xã, lộ đal nông thôn và khu dân cư nhỏ lẻ	0,15		0,15	CLN (0,08) HNK (0,07)	Xã Mỹ Tú	
		0,15		0,15	CLN (0,08) HNK (0,07)	Xã Mỹ Hương	
		0,13		0,13	0,07 (CLN) 0,06 (HNK)	Xã Mỹ Phước	
		0,23		0,23	0,10 (CLN) 0,13 (HNK)	Xã Mỹ Thuận	
		0,20		0,20	0,10 (CLN) 0,10 (HNK)	Xã Hưng Phú	
		2,00		2,00	1,00 (CLN) 0,70 (HNK) 0,30 (LUC)	Xã Long Hưng	
		0,20		0,20	0,15 (CLN) 0,05 (HNK)	Xã Phú Mỹ	
		0,18		0,18	0,80 (LUC) 1,00 (HNK)	Xã Thuận Hưng	
12	Chuyển mục đích đất SXKD dọc theo QLPH, 940 và các tuyến giao thông (SKC)	3,00		3,00	1,00 (LUC) 1,00 (HNK) 1,00 (CLN)	Xã Long Hưng Xã Hưng Phú	
II.2	***Danh mục công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm trước***						
1	Xử lý đất khu 2 bên nhà lồng chợ Mỹ Hương và Khu ao	0,23	0,11	0,12	0,12 (DTL)	Xã Mỹ Hương	Chuyển tiếp từ KH năm 2020
2	Nhà máy năng lượng điện mặt trời ấp Tân Phước A1 - Khu đất của huyện quản lý *(Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao kết hợp điện mặt trời)*	18,60		18,60	18,60 (CLN)	Nông trại 1/5 ấp Tân Phước A1, xã Long Hưng	- Chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2019 - Kêu gọi đầu tư (Báo cáo 427/BC-TCKH ngày 17/12/2020 của P.Tài chính huyện Mỹ Tú)

STT	Hạng mục	DT quy hoạch (ha)	DT hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Ghi chú
				DT (ha)	Sử dụng vào loại đất		
3	Công ty TNHH giầy da Mỹ Phong *(Sản xuất dầy da)*	0,80		0,80	0,80 (DTL)	Xã Thuận Hưng	- Chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2020 - Kêu gọi đầu tư (Báo cáo 427/BC-TCKH ngày 17/12/2020 của P.Tài chính huyện Mỹ Tú)
4	Trung tâm thương mại Thị Trấn Huỳnh Hữu Nghĩa II *(Dự án khu đô thị mới Mỹ Tân)*	3,85		3,85	3,85 (LUC)	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	- Chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2018 - Kêu gọi đầu tư (2418/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của UBND tỉnh). TTTM TT.Huỳnh Hữu Nghĩa II theo KH SDĐ 2018)
5	Chợ Phước Bình *(Dự án khu đô thị mới Mỹ Thuận)*	1,60	0,31	1,29	1,11 (LUC) 0,18 (CLN)	Xã Mỹ Thuận	- Chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2018 - Kêu gọi đầu tư (1296/QĐ-UBND ngày 9/5/2019 của UBND tỉnh)
6	Giao đất Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng kêu gọi đầu tư dự án nông nghiệp (NKH) + nhà máy năng lượng mặt trời	314,25		314,25	314,25 (RSX)	Xã Mỹ Phước	Chuyển tiếp từ KH năm 2018 *(Tỉnh quản lý, sẽ cập nhật khi có chủ trương mới)*
7	Xử lý đất khu lung Béc Trang	46,29		46,29	CLN+LUC+ HNK	Xã Long Hưng	Chuyển tiếp từ KH năm 2020
8	Dự án xây dựng đê bao chống ngập úng vùng trũng huyện Mỹ Tú	39,48	39,48		9,5 (LUC) 29,98 (BHK)	Xã Mỹ Phước, Mỹ Tú, Long Hưng, Hưng Phú	Chuyển tiếp từ KH năm 2017 *(Đang triển khai thực hiện)*
9	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác	4,00		4,00		Long Hưng 1,0ha; Mỹ Tú 0,5ha; Hưng Phú 2,0ha; Thuận Hưng 0,5ha	Chuyển tiếp từ KH năm 2020
II.3	***Bán đấu giá quyền sử dụng đất***						
1	Bán đấu giá vị trí đất KDC Bà Lui (kế trường học)	0,16				Xã Mỹ Hương	Đăng kí mới 2021 (Tổng DT 0,3054ha, đã thực hiện được 0,1450ha)

STT	Hạng mục	DT quy hoạch (ha)	DT hiện trạng (ha)	Tăng thêm trong năm 2021		Địa điểm	Ghi chú
				DT (ha)	Sử dụng vào loại đất		
2	Đấu giá cho thuê đất khu đất UBND tỉnh thu hồi của Công ty Lâm Dũng, Lâm trường Phước Thọ	101,05				Xã Mỹ Phước	Chuyển tiếp từ KH năm 2020
3	Đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô Trung tâm thương mại Long Hưng	0,20				Xã Long Hưng	Chuyển tiếp từ KH2018 *(Tổng DT 0,3090ha, đã thực hiện được 0,0774ha tại Thị trấn và một số lô tại Long Hưng)*
4	Đấu giá quyền sử dụng đất đối với Trạm y tế thị trấn và Trường Tiểu học Long Hưng A	0,14				TT. Huỳnh Hữu Nghĩa, Xã Long Hưng	Chuyển tiếp từ KH năm 2018 *(Đang làm thủ tục thực hiện)*

Ghi chú: Diện tích các công trình, dự án theo kế hoạch và sẽ được đo đạc chính xác khi triển khai thực hiện dự án.

Tổng số công trình, dự án trong kế hoạch 2021 là: **52,** trong đó: chuyển tiếp từ kế hoạch năm trước là **25** và đăng ký mới là **27**:

- Có 2 công trình phải thu hồi đất lúa mới bổ sung (chưa được NQ HĐND thông qua) là: (1) Chi cục thi hành án 0,13ha và (2) Trường Tiểu học Mỹ Tú A 0,5ha, UBND huyện đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất trình UBND tỉnh phê duyệt, Huyện sẽ bổ sung văn bản và đề nghị đưa vào Nghị quyết bổ sung trong kỳ họp tháng 7/2021.

- 02 dự án: Chi cục thuế 0,14ha (từ KHSDĐ năm 2016) và Công viên quảng trường 2,5ha (từ KHSDĐ năm 2015) trong KH năm 2020 không đưa vào kế hoạch. Tuy nhiên do đây là các công trình cần thiết nên UBND huyện đề xuất đưa vào KHSDĐ năm 2021, nếu phải trình thông qua HĐND tỉnh thì sẽ kiến nghị đưa vào Nghị quyết HĐND tỉnh bổ sung trong kỳ họp tháng 7/2021;

8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021

8.1. Cơ sở tính toán

- Các văn bản quy định, hướng dẫn từ Trung ương gồm:

+ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

+ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

+ Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh khung giá đất, bảng giá đất, định giá đất cụ thể và hoạt động tư vấn xác định giá đất;

+ Nghị định 45/2014/NĐ – CP ngày ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

+ Nghị định 47/2014/NĐ – CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

+ Thông tư 29/2014/TT-BTNMT, ngày 02 tháng 6 năm 2014, của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, cấp tỉnh (gồm tỉnh, huyện trực thuộc Trung ương), cấp huyện (gồm huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh.

- Các văn bản quy định của Tỉnh:

+ Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020-2024

+ Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

+ Phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Mỹ Tú.

8.2. Kết quả tính toán và cân đối thu chi từ đất

- Dự kiến các khoản thu: Bao gồm thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Dự kiến các khoản chi: Bao gồm chi việc bồi thường khi thu hồi đất, thực hiện tái định cư.

- Đối với các khoản thu:

+ Thu tiền sử dụng đất khi chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở *(bằng giá chênh lệch giữa đất ở và nông nghiệp tại khu vực)*:

- Đất ở đô thị: 1.200.000 đồng/m^2

- Đất ở nông thôn: 260.000 đồng/m^2

+ Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ (thu 1 lần = 60% giá đất ở):

- Khu vực thị trấn: 750.000 đồng/m^2.

- Khu vực nông thôn: 180.000 đồng/m^2.

- Đối với các khoản chi:

+ Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm (bao gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác): Bình quân 40.000 đồng/m^2.

+ Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm: Bình quân 50.000 đồng/m^2.

+ Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản 30.000 đồng/m^2.

+ Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị 1.250.000 đồng/m^2.

+ Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn 300.000 đồng/m^2.

+ Chi hỗ trợ bằng tiền bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp theo Khoản 1, Điều 16 của Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. *(Chưa tính các hỗ trợ khác của Quyết định này).*

Bảng 12: Dự kiến bảng thu - chi về đất

Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m^2)	Hỗ trợ đất nông nghiệp (đồng/m^2)	Thành tiền (tỷ đồng)
I. Các khoản thu				**80,97**
- Thu thuế trước bạ và thuế thu nhập cá nhân				2,00
- Thu tiền sử dụng đất (khu vực đô thị)	5,33	1.250.000		66,63
- Thu tiền sử dụng đất (khu vực nông thôn)	3,24	300.000		9,72
- Thu tiền khi giao đất, cho thuê đất sử dụng vào mục dích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp				2,62
+ Khu vực nông thôn				
+ Khu vực khác				
II. Các khoản chi				**21,70**
- Chi bồi thường thu hồi đất nông nghiệp				
+ Chi bồi thường thu hồi đất trồng lúa	7,13	40.000	60.000	7,13
+ Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác	2,01	40.000	60.000	2,01
+ Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	4,2	50.000	75.000	5,25
+ Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	0,36	30.000	45.000	0,27
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn	0,97	300.000		2,91
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị	0,33	1.250.000		4,13
III. Cân đối thu – chi (I - II)				**59,27**

Tuy nhiên nếu tính theo giá bồi thường trung bình hiện nay trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đất trồng cây hàng năm khoảng 1,200 tỷ đồng/ha và đất trồng cây lâu năm là 1,500 tỷ đồng/ha, đất ở nông thôn bình quân 1.000.000 đồng/m^2 và đất ở đô thị bình quân 2 triệu đồng/m^2 thì khoản tiền chi bồi thường khi thu hồi đất sẽ là 33,48 tỷ đồng và chênh lệch thu chi là 47,49 tỷ đồng. Tuy nhiên, do các đối tượng được giao đất, cho thuê đất có những đối tượng sẽ được miễm giảm tiền sử dụng đất theo khuyến khích đầu tư và các chính sách khác của nhà nước nên nên số tiền thu được do chuyển mục đích sử dụng đất sẽ giảm nhiều.

Trên đây là dự kiến tính các khoản thu, chi dựa trên khung giá và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2021. Việc thu, chi thực tế sẽ phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án và vị trí cụ thể của từng loại đất trên cơ sở áp dụng khung giá quy định tại thời điểm đó đối với dự án cụ thể để thực hiện thu hồi đất theo quy định.

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- *Về đất đai:* Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền các quy định của Luật Đất đai năm 2013, Luật Quy hoạch, các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ TN&MT và các văn bản liên quan phục vụ cho quá trình quản lý và sử dụng đất. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khuyến khích sử dụng tiết kiệm diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa đồng thời góp phần chỉnh trang các khu dân cư, nhà ở bằng cách quy tập và quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa; đẩy mạnh tuyên truyền và tổ chức tốt việc hỏa táng, hỗ trợ các chùa vận hành các lò hỏa táng đã có hoặc xây dựng mới bổ sung để tiết kiệm đất.

- *Bảo vệ và phát triển quỹ đất nông nghiệp*: Xác định nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất chủ đạo của huyện, cho nên, giải pháp là. Tiếp tục thực hiện tốt quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa. Có chính sách cải tạo đất theo hướng hữu cơ, sinh thái để thâm canh trên diện tích đất nông nghiệp, thủy sản nhằm sản xuất các sản phẩm an toàn, tăng sản lượng nông nghiệp một cách bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện tốt công tác xây dựng cánh đồng mẫu lớn gắn với các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ và bao tiêu sản phẩm, khắc phục dần tình trạng sản xuất manh mún. Khuyến khích lập trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng cây ăn trái hay kinh doanh tổng hợp, đa ngành nghề, kết hợp du lịch...

- *Sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả:* Đầu tư đồng bộ giữa giao thông và thủy lợi bố trí với việc kết hợp các tuyến dân cư để tiết kiệm đất; rà soát và khai thác sử dụng có hiệu quả quỹ đất công.

- *Về biến đổi khí hậu*: Trước xu thế diễn biến khí hậu có xu thế khắc nghiệt hơn. Cần chủ động trong công tác điều tiết nguồn nước bằng các biện pháp:

+ Trong sản xuất: Xây dựng các hệ thống đê bao và bờ ngăn chống lũ và xâm nhập mặn;

+ Trong sinh hoạt: Xây dựng các trạm khai thác nước sạch và cung cấp nước sạch cho nhân dân.

- Chính sách hỗ trợ chuyển các cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị để giảm ô nhiễm môi trường.

2. Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Tổ chức công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2021 sau khi UBND Tỉnh phê duyệt để cho các tổ chức và công dân được biết và thực hiện.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ tổng thể đến cấp xã đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển các trang trại kinh tế, cụm công nghiệp, các cơ sở chế biến, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Việc chuyển mục đích sử dụng đất cho mục đích đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp phải theo chỉ tiêu kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả.

- Rà soát, xác định ranh giới đất sử dụng cho mục đích quốc phòng, an ninh; đảm bảo quản lý chặt chẽ quỹ đất quốc phòng, an ninh.

- Để đổi mới cơ chế quản lý sử dụng đất gắn với tổ chức sản xuất, bảo vệ, phát triển rừng ở công ty lâm nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất của các đơn vị này. Rà soát lại đất lâm nghiệp, có thể kết hợp mục đích thủy sản, nông nghiệp, du lịch để tăng thu nhập và quản lý rừng trên địa bàn huyện.

- Tăng cường quản lý đất đai đặc biệt là việc chuyển mục đích sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất; Quản lý chặt chẽ các nguồn thu từ đất; Xác định giá đất hợp lý nhằm thu hút đầu tư tạo nguồn thu cho ngân sách; Sử dụng nguồn thu từ đất được sử dụng một cách hợp lý để thực hiện đúng tiến độ các dự án theo kế hoạch sử dụng đất được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Khi có biến động lớn về nhu cầu sử dụng đất thì phải thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế: Giao thông, thuỷ lợi, cơ sở chế biến, thị trường tiêu thụ…

- Giao đất theo kế hoạch, năng lực khai thác sử dụng thực tế đối với tất cả các trường hợp có nhu cầu sử dụng đất mới. Đất đã giao khi hết hạn sử dụng phải thu hồi kịp thời. Giao đất cụ thể đến người sử dụng nhất là đối với những diện tích do UBND xã, thị trấn quản lý hoặc giao cho ngành chủ quản.

- Vận động nhân dân thực hiện các công trình giao thông và xây dựng nông thôn mới theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", nhà nước đầu tư vốn xây dựng công trình, nhân dân hiến đất và hỗ trợ công lao động.

- Các cấp, các ngành trong quá trình quản lý và sử dụng đất phải nghiêm chỉnh chấp hành Luật Đất đai và các quy định của Nhà nước.

- Quản lý chặt chẽ diện tích đất trồng lúa theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đội ngũ quản lý khoa học kỹ thuật, cán bộ khuyến nông và cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh lương thực các cấp để tăng cường hỗ trợ nông dân.

3. Giải pháp về đầu tư

- Căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình, dự án, khắc phục tình trạng "Quy hoạch treo". Cần ưu tiên đầu tư tập trung cho các công trình, dự án trọng điểm.

Đối với 08 công trình dự án quá 3 năm kế hoạch đề nghị chuyển tiếp, cần sự hỗ trợ của tỉnh và các ngành để tổ chức hoàn thành:

- 02 dự án thuộc danh mục kêu gọi đầu tư:

+ Chợ Phước Bình (từ KHSDĐ 2015), nay chuyển tiếp trong KHSDĐ năm 2021 sẽ đổi thành: Dự án khu đô thị mới Mỹ Thuận.

+ Trung tâm TM Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa II (từ KHSDĐ năm 2018), nay chuyển tiếp trong KHSDĐ năm 2021 sẽ đổi thành: Dự án khu đô thị mới Mỹ Tân.

- 02 dự án do tỉnh quản lý (sẽ cập nhật khi có chủ trương mới của tỉnh): Giao đất cho hộ ND nghèo không đất là 122,64ha (theo số liệu KHSDĐ 2020) PA sắp xếp LT Mỹ Phước, Giao đất Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng kêu gọi đầu tư dự án nông nghiệp (NKH) + nhà máy năng lượng mặt trời;

- 01 dự án (Đã có nhà đầu tư, dự án UBND tỉnh Hậu Giang kêu gọi đầu tư): Đường dẫn cầu Bún Tàu;

- 03 dự án đang làm thủ tục thực hiện và triển khai thực hiện: (i) Dự án xây dựng đê bao chống ngập úng vùng trũng huyện Mỹ Tú, (ii) Đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô Trung tâm thương mại TT.HHN (dãy E) + Long Hưng (đã hoàn thành đấu giá dãy E và một số lô của Long Hưng; kế hoạch sẽ tiếp tục thực hiện

một số lô còn lại), (iii) Đấu giá quyền sử dụng đất đối với Trạm y tế thị trấn và Trường Tiểu học Long Hưng A.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng kết cấu hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn của nhân dân.

- Đầu tư cho trong việc xây dựng các tư liệu phục vụ quản lý đất đai như đo đạc bản đồ địa chính (tập trung cho các xã chưa có bản đồ địa chính, chính quy), quy hoạch, kế hoạch, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đầu tư cho việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và phát triển các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư phát triển nông nghiệp sạch, năng suất, chất lượng cao, thích ứng biến đổi khí hậu; xây dựng kết cấu hạ tầng về giao thông, thuỷ lợi, điện. Đầu tư cho việc tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Mỹ Tú được xây dựng trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện Mỹ Tú 2020-2025, quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt về các chỉ tiêu chưa thực hiện hết và nhu cầu sử dụng đất của các phòng, ban, UBND các xã, thị trấn, hộ gia đình, cá nhân.

Kết quả của kế hoạch sử dụng đất của huyện trong năm 2021 có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng thời là công cụ quan trọng để các xã, thị trấn trong huyện thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai theo pháp luật.

2. Kiến nghị

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện phát huy quyền giám sát và làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú kiến nghị:

Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh xem xét thông qua và trình Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Mỹ Tú, để Ủy ban nhân dân huyện có cơ sở thực hiện công tác giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện vai trò quản lý nhà nước về đất đai, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 của huyện Mỹ Tú.

HỆ THỐNG CÁC BIỂU SỐ LIỆU